**I. PHẨN NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Ông Tú mất để lại di chúc ủy quyền cho con trai cả- anh Phong chia tài sản gồm 01 căn nhà và 02 mảnh đất. Sau khi bố mất, anh Phong đề nghị họp gia đình và chia tài sản theo di chúc cha để lại. Do tài sản chia không đều nên bà Mai – em út bức xúc nói ông Phong đã nhiều tuổi nên không có năng lực pháp luật dân sự, không có quyền thay bố chia tài sản của gia đình. Hỏi trong tình huống trên, bà Mai nói về ông Phong có đúng không? Pháp luật dân sự quy định về năng lực pháp luật dân sự của cá nhân như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Khoản 2, 3 Điều 16 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“Mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau.*

*Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi sinh ra và chấm dứt khi người đó chết.”*

Căn cứ theo quy định trên, ông Phong và các thành viên khác trong gia đình đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau. Việc bà Mai nói ông Phong đã nhiều tuổi nên không có năng lực pháp luật dân sự là không có căn cứ vì độ tuổi không ảnh hưởng đến năng lực pháp luật dân sự của cá nhân.

Như vậy, trong tình huống trên, ông Phong có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự để thực hiện việc chia di sản theo di chúc của người cha quá cố để lại.

**2. A (15 tuổi) được ông bà nội thưởng cho chiếc điện thoại di động trị giá hơn 5 triệu đồng. Sau đó A bán chiếc điện thoại đó cho B (14 tuổi) với giá 2 triệu. Khi biết được sự việc. Bố mẹ A đến nhà B chuộc lại chiếc điện thoại và trả cho B 02 triệu nhưng bố mẹ B không đồng ý. Bố mẹ A khẳng định giao dịch này vô hiệu do A và B chưa đủ tuổi thực hiện giao dịch dân sự. Xin hỏi giao dịch này có bị vô hiệu hay không? Pháp luật quy định như thế nào về vấn đề này?**

Theo quy định tại Điều 21 Bộ luật dân sự năm 2015, *“Người từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, trừ giao dịch dân sự phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi.*

*Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.”*

Như vậy, chiếu theo quy định nêu trên, A đã đủ 15 tuổi nên A có quyền xác lập, thực hiện giao dịch dân sự nằm trong phạm vi tài sản riêng của mình. Chiếc điện thoại mà A đem bán được coi đây là tài sản riêng của A, nên A có thể được bán nó mà không cần phải được sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật (bố mẹ A).

Còn B mới 14 tuổi, việc thiết lập thực hiện giao dịch dân sự của B phải được sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật (bố mẹ B), trừ những giao dịch có giá trị nhỏ nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày phù hợp với lứa tuổi như mua đồ ăn, đồ dùng học tập bút, vở… Trường hợp này B thực hiện giao dịch mua bán điện thoại thì không phải là phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày và không phù hợp với lứa tuổi nên không được pháp luật công nhận. Khi bị phát hiện sẽ phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, có nghĩa là hai bên trả lại cho nhau những gì đã nhận. Vậy trong trường hợp này B sẽ phải trả lại A chiếc điện thoại và A phải trả lại B 02 triệu đồng.

**3. Ông K sinh năm 1945, sống một mình vì không có vợ con. Ông bị tai nạn cụt cả 2 tay, mắt nhìn kém do tuổi cao nhưng thần kinh vẫn minh mẫn. Hiện nay ông K muốn bán căn nhà của mình để có tiền hưởng tuổi già nhưng bản thân ông không thể ký được giấy tờ. Hỏi ông có thể tự mình xác lập việc mua bán nhà ở hay không? Trường hợp của ông có được coi là mất năng lực hành vi dân sự không?**

Điều 22 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định rõ mất năng lực hành vi dân sự là: *“Khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần.”*

Như vậy căn cứ điều luật trên, ông K chỉ bị hạn chế một số khả năng viết, đọc do mắt mờ và cụt cả 2 tay còn trí tuệ vẫn minh mẫn, có khả năng nhận thức tốt nên không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự theo quy định.

Do vậy ông K có thể toàn quyền thực hiện các giao dịch dân sự để định đoạt tài sản của mình.

**4. Bố mẹ mất sớm nên để lại cho C căn nhà 3 tầng. Đã nhiều năm nay C nghiện ma túy, do không có tiền để hút chích nên tài sản trong gia đình lần lượt bị C mang đi bán, nay C lại đe dọa bán cả căn nhà của gia đình. Hỏi trong trường hợp này C có bị coi là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự để không thể bán tài sản của gia đình không?**

Điều 24 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hạn chế năng lực hành vi dân sự như sau:

*“Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.”*

Cũng theo quy định tại Điều luật, việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày hoặc luật liên quan có quy định khác.

Như vậy, trong trường hợp này, do C nghiện ma túy nên gia đình (vợ, con C) cần yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố C bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Trên cơ sở đó, C sẽ không thể tự mình thực hiện việc mua bán căn nhà là tài sản có giá trị của gia đình.

 **5. Quyền có họ tên của cá nhân được pháp luật dân sự quy định như thế nào?**

Theo Điều 26 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về quyền có họ, tên như sau:

1. Cá nhân có quyền có họ, tên (bao gồm cả chữ đệm, nếu có)*.*Họ, tên của một người được xác định theo họ, tên khai sinh của người đó.

2. Họ của cá nhân được xác định là họ của cha đẻ hoặc họ của mẹ đẻ theo thỏa thuận của cha mẹ; nếu không có thỏa thuận thì họ của con được xác định theo tập quán. Trường hợp chưa xác định được cha đẻ thì họ của con được xác định theo họ của mẹ đẻ.

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha đẻ, mẹ đẻ và được nhận làm con nuôi thì họ của trẻ em được xác định theo họ của cha nuôi hoặc họ của mẹ nuôi theo thỏa thuận của cha mẹ nuôi. Trường hợp chỉ có cha nuôi hoặc mẹ nuôi thì họ của trẻ em được xác định theo họ của người đó.

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha đẻ, mẹ đẻ và chưa được nhận làm con nuôi thì họ của trẻ em được xác định theo đề nghị của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng trẻ em đó hoặc theo đề nghị của người có yêu cầu đăng ký khai sinh cho trẻ em, nếu trẻ em đang được người đó tạm thời nuôi dưỡng.

Cha đẻ, mẹ đẻ được quy định trong Bộ luật này là cha, mẹ được xác định dựa trên sự kiện sinh đẻ; người nhờ mang thai hộ với người được sinh ra từ việc mang thai hộ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Việc đặt tên bị hạn chế trong trường hợp xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác hoặc trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này.

Tên của công dân Việt Nam phải bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam; không đặt tên bằng số, bằng một ký tự mà không phải là chữ.

4. Cá nhân xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự theo họ, tên của mình.

5. Việc sử dụng bí danh, bút danh không được gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

 **6. Năm 2006, anh D bỏ chị A khi chị vừa sinh con được 1 tháng. Chị cho cháu mang họ mẹ và trong giấy khai sinh của cháu không có tên cha. Gần đây anh D có nguyện vong xin nhận con và muốn chuyển họ của con cùng họ với anh (lúc này con chị A đã 10 tuổi). Vì quyền lợi của con, chị muốn biết con chị có quyền được thay đổi họ không?**

Theo Điểm a Khoản 1 Điều 27 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về quyền thay đổi họ như sau:

*“Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi họ trong trường hợp sau đây:*

*Thay đổi họ cho con đẻ từ họ của cha đẻ sang họ của mẹ đẻ hoặc ngược lại…”*

Như vậy, theo quy định trên, chị A và anh D có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi họ cho con từ họ của mẹ đẻ sang họ của cha đẻ. Tuy nhiên, vì con của chị A và chồng đã 10 tuổi nên việc thay đổi họ phải có sự đồng ý của con anh chị (theo quy định tại Khoản 2 Điều 27).

 **7. Do bị chồng bỏ mặc nên chị H buồn chán, lúc sinh con chị H đặt tên là Hận. Khi đi học cấp 2, do bị bạn bè trêu chọc nên nhiều lần em về xin mẹ được đổi tên khác. Lúc này bố em cũng đã trở về nhận lỗi và đoàn tụ gia đình, nên bố mẹ em mong muốn con gái được đổi tên khác dễ nghe hơn. Trong trường hợp này Hận có được đổi tên không? Pháp luật dân sự quy định về vấn đề này như thế nào?**

Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 28 và khoản 2 Điều 28 Bộ luật dân sự năm 2015, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên trong trường hợp sau đây:

*“Theo yêu cầu của người có tên mà việc sử dụng tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của người đó;*

*…Việc thay đổi tên cho người từ đủ chín tuổi trở lên phải có sự đồng ý của người đó.”*

Như vậy, đối chiếu quy định trên, việc đổi tên của Hận là có lý do chính đáng, bố mẹ Hận có thể yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để xác nhận việc thay đổi tên của con. Việc thay đổi tên này cũng cần được sự đồng ý của em do em đã học cấp 2 theo quy định của pháp luật.

 **8. Cháu T là trẻ sơ sinh bị bỏ rơi được ông bà H nhận nuôi. Khi cháu T được 3 tuổi, ông bà H đăng ký cho cháu vào học tại trường mầm non của xã nhưng khi làm thủ tục nhập học theo quy định thì cháu T thiếu giấy khai sinh, nhà trường yêu cầu gia đình phải bổ sung. Vậy theo quy định pháp luật, cháu T có được đăng ký khai sinh nữa hay không?**

Theo Khoản 1 Điều 30 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“Cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh.”*

Như vậy, việc đăng ký khai sinh là quyền lợi hợp pháp của cháu T. Tuy nhiên, do việc đăng ký khai sinh này đã quá thời hạn quy định (đăng ký ngay lúc sinh ra) nên ông bà H cần đến cơ quan có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân cấp xã) để thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

 **9. Đề nghị cho biết người được giám hộ gồm những người nào?**

Theo Điều 47 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định người được giám hộ bao gồm:

 - Người chưa thành niên không còn cha, mẹ hoặc không xác định được cha, mẹ;

- Người chưa thành niên có cha, mẹ nhưng cha, mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự; cha, mẹ đều có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; cha, mẹ đều bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; cha, mẹ đều bị Tòa án tuyên bố hạn chế quyền đối với con; cha, mẹ đều không có điều kiện chăm sóc, giáo dục con và có yêu cầu người giám hộ;

- Người mất năng lực hành vi dân sự;

- Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

 Một người chỉ có thể được một người giám hộ, trừ trường hợp cha, mẹ cùng giám hộ cho con hoặc ông, bà cùng giám hộ cho cháu.

 **10. Vợ chồng anh A sống hạnh phúc đã gần 10 năm nay. Thời gian gần đây không may vợ anh bị tai nạn gây mất trí nhớ, phải nghỉ việc. Mọi việc trong gia đình đều do anh A đứng ra lo toan, sắp xếp. Hỏi trong trường hợp này anh A có đương nhiên được coi là người giám hộ cho vợ mình hay không?**

Theo Điều 53 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về người giám hộ đương nhiên của người mất năng lực hành vi dân sự như sau: Trường hợp vợ là người mất năng lực hành vi dân sự thì chồng là người giám hộ; nếu chồng là người mất năng lực hành vi dân sự thì vợ là người giám hộ.

Chiếu theo quy định nêu trên, do vợ anh A bị mất năng lực hành vi dân sự (mất trí nhớ) nên anh A là người giám hộ đương nhiên của vợ mình.

**11. Xin hãy cho biết một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi nào?**

Theo Điều 74 Bộ luật dân sự năm 2015, một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Được thành lập theo quy định của Bộ luật dân sự, luật khác có liên quan;

- Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật dân sự;

- Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;

- Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

 Mọi cá nhân, pháp nhân đều có quyền thành lập pháp nhân, trừ trường hợp luật có quy định khác.

**12. Xin hãy cho biết điều lệ của pháp nhân gồm những nội dung chủ yếu nào?**

Theo Khoản 2 Điều 77 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định điều lệ của pháp nhân có những nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên gọi của pháp nhân;

- Mục đích và phạm vi hoạt động của pháp nhân;

- Trụ sở chính; chi nhánh, văn phòng đại diện, nếu có;

- Vốn điều lệ, nếu có;

- Đại diện theo pháp luật của pháp nhân;

- Cơ cấu tổ chức; thể thức cử, bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các chức danh của cơ quan điều hành và các cơ quan khác;

- Điều kiện trở thành thành viên hoặc không còn là thành viên của pháp nhân, nếu là pháp nhân có thành viên;

- Quyền, nghĩa vụ của các thành viên, nếu là pháp nhân có thành viên;

- Thể thức thông qua quyết định của pháp nhân; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

- Thể thức sửa đổi, bổ sung điều lệ;

- Ðiều kiện hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi hình thức, giải thể pháp nhân.

**13. Công ty TNHH may PĐ được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập vào tháng 9/2016. Tuy nhiên, đến tháng 10/2016 công ty mới tiến hành ký hợp đồng sản xuất lô hàng đầu tiên xuất khẩu sang Mỹ. Vậy, năng lực pháp luật dân sự của công ty phát sinh từ thời điểm nào?**

Căn cứ theo quy định tại Điều 86 Bộ luật dân sự năm 2015, năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân được quy định như sau:

*“Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân là khả năng của pháp nhân có các quyền, nghĩa vụ dân sự. Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân không bị hạn chế, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.*

 *Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân phát sinh từ thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập; nếu pháp nhân phải đăng ký hoạt động thì năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân phát sinh từ thời điểm ghi vào sổ đăng ký.”*

Đối chiếu với tình huống đưa ra, thời điểm Công ty TNHH may PĐ được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập là tháng 9/2016 nên đây cũng là thời điểm phát sinh năng lực pháp luật dân sự của công ty.

**14. Ông T là người đại diện theo pháp luật của công ty X thực hiện ký kết hợp đồng cho thuê thiết bị thi công công trình với công ty H. Tuy nhiên, do sơ suất nên thiết bị giao cho công ty H bị chậm tiến độ thời gian, công ty H yêu cầu công ty X phải bồi thường theo điều khoản đã được quy định trong hợp đồng. Hỏi trong trường hợp này trách nhiệm bồi thường thuộc về ông T hay công ty X?**

Khoản 1 Điều 87 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm dân sự của pháp nhân như sau:

*“Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân.*

*Pháp nhân chịu trách nhiệm dân sự về nghĩa vụ do sáng lập viên hoặc đại diện của sáng lập viên xác lập, thực hiện để thành lập, đăng ký pháp nhân, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác…”*

Đối chiếu với quy định trên, theo tình huống , ông T chỉ đại diện cho công ty X giao kết hợp đồng với công ty H nên ông không phải chịu trách nhiệm bằng tài sản riêng của mình trong việc bồi thường. Công ty X phải chịu trách nhiệm bồi thường cho công ty H theo điều khoản đã được quy định trong hợp đồng theo. Trách nhiệm liên đới của ông H sẽ được xác định theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

**15. Ông Q mất để lại một mảnh đất có diện tích gần 200m2 cho hai con trai là T và H. T do đam mê cờ bạc nên đã bán hết tài sản riêng của mình. Gần đây, một công ty nước ngoài muốn mua lại mảnh đất nói trên để mở công ty với giá cao nên T vận động H đồng ý bán đất rồi chia tiền nhưng H nhất quyết không đồng ý. Thấy vậy, T lừa chuốc say H để H ký vào bản hợp đồng bán mảnh đất cha để lại. Vậy trong trường hợp này, giao dịch dân sự trên có hiệu lực không?**

Theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015, giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

*“Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;*

*Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;*

*Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.”*

Đồng thời, theo quy định tại Điều 128 về giao dịch dân sự vô hiệu thì:

*“Người có năng lực hành vi dân sự nhưng đã xác lập giao dịch vào đúng thời điểm không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu.”*

T đã lợi dụng lúc H say rượu để H ký hợp đồng bán mảnh đất do cha để lại cho 2 anh em. Đối chiếu với các quy định trên, giao dịch dân sự được xác lập vào đúng thời điểm H không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. H có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng đó là vô hiệu.

**16. Xin hãy cho biết giao dịch dân sự vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện được pháp luật quy định như thế nào?**

Tại Điều 125 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định giao dịch dân sự vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện như sau:

 Khi giao dịch dân sự do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện thì theo yêu cầu của người đại diện của người đó, Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu nếu theo quy định của pháp luật giao dịch này phải do người đại diện của họ xác lập, thực hiện hoặc đồng ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

 Giao dịch dân sự của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự không bị vô hiệu trong trường hợp sau đây:

- Giao dịch dân sự của người chưa đủ sáu tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người đó;

- Giao dịch dân sự chỉ làm phát sinh quyền hoặc chỉ miễn trừ nghĩa vụ cho người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự với người đã xác lập, thực hiện giao dịch với họ;

- Giao dịch dân sự được người xác lập giao dịch thừa nhận hiệu lực sau khi đã thành niên hoặc sau khi khôi phục năng lực hành vi dân sự.

**II. PHẦN QUYỀN SỞ HỮU VÀ VÀ QUYỀN KHÁC ĐỐI VỚI TÀI SẢN**

 **17. H mồ côi cha mẹ từ bé và được vợ chồng ông bà N, một gia đình hàng xóm có kinh tế khá giả nhưng không có con, nhận nuôi và rất mực thương yêu. Năm chị H 20 tuổi, đang học dở đại học, ông bà N biết mình sức khỏe yếu nên đã thống nhất làm di chúc để lại toàn bộ tài sản cho chị H. Sau đó hai ông bà lần lượt qua đời. H là người được thừa kế toàn bộ tài sản của ông bà nên một số bà con họ hàng khuyên bán một phần tài sản thừa kế để lấy tiền ăn học, sinh sống hàng ngày. Tuy nhiên H băn khoăn vì không biết mình có quyền thực hiện việc này hay không?**

Theo Điều 158 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“Quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản của chủ sở hữu theo quy định của luật.”*

Như vậy theo quy định trên, H là người thừa kế nên là chủ sở hữu với toàn bộ tài sản của gia đình ông bà N. Hơn nữa H đã là người thành niên nên có toàn quyền sử dụng và định đoạt đối với tài sản đó. Vì vậy, H có quyền bán một phần số tài sản để lo cho việc ăn học, sinh hoạt hàng ngày của mình.

 **18. T đi du lịch có mượn của H một máy ảnh hiệu Canon để chụp ảnh lưu niệm. Hôm T về đến sân bay thì có D ra đón. Nhìn thấy chiếc máy ảnh, D khen đẹp và tỏ ý rất thích. Thấy vậy, T đã tặng chiếc máy ảnh đó cho D và nói là quà. Sau đó, H nhìn thấy D sử dụng máy ảnh của mình thì đòi lại nhưng D không đồng ý. Xin hỏi H có quyền đòi lại chiếc máy ảnh từ D không?**

Căn cứ theo quy định tại Điều 186 Bộ luật dân sự năm 2015 về quyền chiếm hữu của chủ sở hữu thì:

*“Chủ sở hữu được thực hiện mọi hành vi theo ý chí của mình để nắm giữ, chi phối tài sản của mình những không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.”*

Theo tình huống đưa ra, T chỉ có quyền chiếm hữu (nắm giữ, chi phối) chiếc máy ảnh và sử dụng máy ảnh vào mục đích chụp ảnh lưu niệm. T không có quyền tặng cho D chiếc máy ảnh vì trong trường hợp này quyền sở hữu chiếc máy ảnh thuộc về H, chỉ H mới có quyền định đoạt chiếc máy ảnh.

Như vậy, theo quy định trên thì H có quyền đòi lại chiếc máy ảnh của mình một cách hợp pháp theo quy định nêu trên.

**19. Thấy được tiềm năng của các loại hình kinh doanh trên bờ biển, lại có lợi thế nhà tiếp giáp và quay ra hướng biển, gia đình ông K đã chiếm dụng khoảng không gian trước nhà để kinh doanh, thu phí khách du lịch. Khi chính quyền đến xử lý thì ông K cho rằng đây là tài sản sở hữu toàn dân nên ông có toàn quyền sử dụng. Vậy trong tình huống trên, quan điểm của ông K có phù hợp với quy định pháp luật không?**

Tại Điều 197 Bộ luật dân sự năm 2015, tài sản thuộc sở hữu toàn dân được quy định như sau:

*“Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.”*

Theo quy định trên thì khoảng không gian bờ biển trước nhà ông K thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, không thể coi là tài sản riêng của bất kỳ cá nhân nào. Vì vậy, ông K không có quyền tự ý sử dụng khoảng không gian bờ biển trước nhà phục vụ việc kinh doanh của gia đình, trừ trường hợp ông làm dự án đăng ký thuê sử dụng đất có thời hạn và được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**20. Ông B mất để lại di chúc viết tay, trong đó có nội dung chia tài sản là một căn nhà và 02 mảnh đất thuộc quyền sở hữu của ông cho con trai là anh R. Thấy vậy, chị P là con gái nhưng không được nhận tài sản nào tỏ ra rất bức xúc. Đầu năm nay, anh R muốn xây nhà thờ họ trên 01 mảnh đất cha để lại. Chị P nghe nói vậy phản đối kịch liệt và cho rằng anh R chỉ có quyền trông coi tài sản mà cha để lại chứ không được tự ý sử dụng. Hỏi theo quy định pháp luật, anh R có quyền xây nhà thờ trên mảnh đất cha để lại không?**

Theo tình huống đưa ra, việc anh R được nhận thừa kế một căn nhà và 02 mảnh đất do cha để lại hoàn toàn hợp pháp.

Tại Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định quyền sở hữu được xác lập đối với tài sản trong trường hợp sau đây:

*1. Do lao động, do hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp, do hoạt động sáng tạo ra đối tượng quyền sở hữu trí tuệ.*

*2. Được chuyển quyền sở hữu theo thỏa thuận hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.*

*3. Thu hoa lợi, lợi tức.*

*4. Tạo thành tài sản mới do sáp nhập, trộn lẫn, chế biến.*

*5. Được thừa kế.*

*……*

Theo quy định trên, việc anh R được thừa kế theo di chúc là căn cứ để xác lập quyền sở hữu của anh đối với tài sản cha để lại là một căn nhà và 02 mảnh đất.Quyền sở hữu của anh R với tài sản trên được xác lập, bao gồm quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt. Như vậy, anh R có quyền xây nhà thờ họ trên mảnh đất cha để lại theo thành ý của bản thân.

**21. Xin hãy cho biết việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu được pháp luật quy định như thế nào?**

Tại Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu như sau:

1. Tài sản vô chủ là tài sản mà chủ sở hữu đã từ bỏ quyền sở hữu đối với tài sản đó.

Người đã phát hiện, người đang quản lý tài sản vô chủ là động sản thì có quyền sở hữu tài sản đó, trừ trường hợp luật có quy định khác; nếu tài sản là bất động sản thì thuộc về Nhà nước.

2. Người phát hiện tài sản không xác định được ai là chủ sở hữu phải thông báo hoặc giao nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi gần nhất để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại.

Việc giao nộp phải được lập biên bản, trong đó ghi rõ họ, tên, địa chỉ của người giao nộp, người nhận, tình trạng, số lượng, khối lượng tài sản giao nộp.

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã đã nhận tài sản phải thông báo cho người phát hiện về kết quả xác định chủ sở hữu.

Sau 01 năm, kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được ai là chủ sở hữu tài sản là động sản thì quyền sở hữu đối với động sản đó thuộc về người phát hiện tài sản.

Sau 05 năm, kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được ai là chủ sở hữu tài sản là bất động sản thì bất động sản đó thuộc về Nhà nước; người phát hiện được hưởng một khoản tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

**22. Trong quá trình cải tạo ao, ông B phát hiện được cái bình cổ hoa văn rất đẹp, được xác định đó là một cổ vật thời Trần. Tin đồn lan ra, ngay lập tức đã người đến nhà ông B đặt giá muốn mua cái bình với giá 600 triệu. Tuy nhiên, vợ ông B không đồng ý bán mà khuyên chồng phải thông báo và giao nộp chiếc bình cho Uỷ ban nhân dân cấp xã và sau này nhận tiền thưởng. Xin hỏi ý kiến của vợ ông B có chính xác hay không? Pháp luật quy định việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 229 Bộ luật dân sự về việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy như sau:

- Người phát hiện tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm phải thông báo hoặc trả lại ngay cho chủ sở hữu; nếu không biết ai là chủ sở hữu thì phải thông báo hoặc giao nộp cho Uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi gần nhất hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy mà không có hoặc không xác định được ai là chủ sở hữu thì sau khi trừ chi phí tìm kiếm, bảo quản, quyền sở hữu đối với tài sản này được xác định như sau:

+ Tài sản được tìm thấy là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hoá theo quy định của Luật di sản văn hóa thì thuộc về Nhà nước; người tìm thấy tài sản đó được hưởng một khoản tiền thưởng theo quy định của pháp luật;

+ Tài sản được tìm thấy không phải là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hoá theo quy định của Luật di sản văn hóa mà có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì thuộc sở hữu của người tìm thấy; nếu tài sản tìm thấy có giá trị lớn hơn mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì người tìm thấy được hưởng giá trị bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định và 50% giá trị của phần vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, phần giá trị còn lại thuộc về Nhà nước.

Như vậy, ý kiến của vợ ông B là hoàn toàn chính xác theo quy định pháp luật dân sự.

**23. Trên đường đi tập thể dục buổi sáng, ông C phát hiện thấy có một chiếc túi xách đen rơi bên đường. Ông mở ra thấy có hơn 20 triệu tiền mặt và một số giấy tờ mang tên anh Nguyễn Văn D tuy nhiên lại không rõ địa chỉ cư trú của D. Trong trường hợp này, ông C phải làm gì? Pháp luật quy đinh về việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 230 Bộ luật dân sự về việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên, cụ thể như sau:

- Người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên mà biết được địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải thông báo hoặc trả lại tài sản cho người đó; nếu không biết địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải thông báo hoặc giao nộp cho Uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi gần nhất để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại.

Uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã đã nhận tài sản phải thông báo cho người đã giao nộp về kết quả xác định chủ sở hữu.

- Sau 01 năm, kể từ ngày thông báo công khai về tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên mà không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không đến nhận thì quyền sở hữu đối với tài sản này được xác định như sau:

+ Trường hợp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì người nhặt được được xác lập quyền sở hữu đối với tài sản đó theo quy định của Bộ luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp tài sản có giá trị lớn hơn mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì sau khi trừ chi phí bảo quản, người nhặt được được hưởng giá trị bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định và 50% giá trị của phần vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, phần giá trị còn lại thuộc về Nhà nước;

+ Trường hợp tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hoá theo quy định của Luật di sản văn hóa thì tài sản đó thuộc về Nhà nước; người nhặt được tài sản được hưởng một khoản tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

Như vậy, theo các quy định này, ông C phải phải thông báo hoặc giao nộp cho Uỷ ban nhân dân cấp xă hoặc công an cấp xă nơi gần nhất để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại.

**24. Gia đình bà Q có nuôi 05 con bò đã đẻ được 2 con bê con. Khi lùa đàn bò về chuồng, bà Q phát hiện có 01 con bê lạc đã nhập vào đàn bò nhà bà. Bà đã đi hỏi các gia đình có nuôi bò gần đó và báo với Ủy ban nhân dân xã nhưng không thấy gia đình nào báo mất bê. Vì thế bà đã nuôi chúng cùng với đàn gia súc của mình. Một tháng sau, có một người ở xã bên đến tìm bà Q và xác nhận đó là bê của họ bị lạc nên muốn nhận lại. Bà Q không biết phải giải quyết như thế nào. Liệu bà có được quyền sở hữu con bò này không?**

Theo quy định tại Điều 231 Bộ luật dân sự về việc xác lập quyền sở hữu đối với gia súc bị thất lạc như sau:

- Người bắt được gia súc bị thất lạc phải nuôi giữ và báo ngay cho Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại. Sau 06 tháng, kể từ ngày thông báo công khai hoặc sau 01 năm đối với gia súc thả rông theo tập quán thì quyền sở hữu đối với gia súc và số gia súc được sinh ra trong thời gian nuôi giữ thuộc về người bắt được gia súc.

- Trường hợp chủ sở hữu được nhận lại gia súc bị thất lạc thì phải thanh toán tiền công nuôi giữ và các chi phí khác cho người bắt được gia súc. Trong thời gian nuôi giữ gia súc bị thất lạc, nếu gia súc có sinh con thì người bắt được gia súc được hưởng một nửa số gia súc sinh ra hoặc 50% giá trị số gia súc sinh ra và phải bồi thường thiệt hại nếu có lỗi cố ý làm chết gia súc.

Như vậy, theo thời hạn quy định nêu trên, bà Q phải đồng ý cho chủ của con bê bị thất lạc nhận lại gia súc của mình và nhận các chi phí đã chăm sóc, nuôi con bê trong thời gian ở gia đình bà.

**25. Việc xác lập quyền sở hữu đối với vật nuôi dưới nước được pháp luật quy định như thế nào?**

Tại Điều 233 Bộ luật dân sự năm 2015 việc xác lập quyền sở hữu đối với vật nuôi dưới nước được quy định như sau:

Khi vật nuôi dưới nước của một người di chuyển tự nhiên vào ruộng, ao, hồ của người khác thì thuộc sở hữu của người có ruộng, ao, hồ đó. Trường hợp vật nuôi dưới nước có dấu hiệu riêng biệt để có thể xác định vật nuôi không thuộc sở hữu của mình thì người có ruộng, ao, hồ đó phải thông báo công khai để chủ sở hữu biết mà nhận lại. Sau 01 tháng, kể từ ngày thông báo công khai mà không có người đến nhận thì quyền sở hữu vật nuôi dưới nước đó thuộc về người có ruộng, ao, hồ.

**26. Pháp luật quy định các căn cứ nào việc xác lập quyền đối với bất động sản liền kề?**

Theo quy định tại Điều 246 Bộ luật dân sự năm 2015, việc xác lập quyền đối với bất động sản liền kề dựa trên các căn cứ sau đây:

Quyền đối với bất động sản liền kề được xác lập do địa thế tự nhiên, theo quy định của luật, theo thoả thuận hoặc theo di chúc.

**27. Anh X đã tiến hành xây nhà kho sát với vườn nhà ông L. Tuy nhiên, nhà kho của anh không có đường dẫn nước xuống cống, hễ trời mưa là nước từ mái tôn nhà kho lại chảy sang vườn nhà ông L, gây úng lụt. Ông L yêu cầu anh X phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa không được chảy xuống vườn nhà ông. Xin hỏi yêu cầu của ông L có phù hợp với quy định của pháp luật không?**

Tại Điều 250 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước mưa như sau:

Chủ sở hữu nhà, công trình xây dựng khác phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa từ mái nhà, công trình xây dựng của mình không được chảy xuống bất động sản của chủ sở hữu bất động sản liền kề.

Như vậy, việc ông L yêu cầu anh X phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa từ mái nhà kho của anh X không được chảy xuống vườn của mình là phù hợp với quy định của pháp luật.

**28.** **Bà S vốn là cán bộ của Viện chăn nuôi đã về hưu, nay bà có ý định mở trang trại chăn nuôi lợn, gà để tăng gia sản xuất. Biết ý định của bà, cán bộ môi trường của huyện đã lưu ý bà phải chú trọng đến việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải kiên cố và chắc chắn, nếu gây ra ô nhiễm sẽ bị xử lý theo pháp luật. Xin hỏi, trong trường hợp này, chủ sở hữu có nghĩa vụ như thế nào trong việc thoát nước thải theo quy định của pháp luật?**

Nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước thải được quy đinh tại Điều 251 Bộ luật dân sự năm 2015 như sau:

Chủ sở hữu nhà, công trình xây dựng khác phải làm cống ngầm hoặc rãnh thoát nước để đưa nước thải ra nơi quy định, sao cho nước thải không chảy tràn sang bất động sản của chủ sở hữu bất động sản liền kề, ra đường công cộng hoặc nơi sinh hoạt công cộng.

Như vậy nếu bà S mở trang trại chăn nuôi lợn gà thì phải làm cống ngầm hoặc rãnh thoát nước để đưa nước thải ra nơi quy định không làm ảnh hưởng đến hàng xóm, đường và nơi sinh hoạt công cộng.

**29. Nhà anh T nằm ở trong cùng của dãy phố. Để thoát nước sinh hoạt ra cống chung của khu phố, anh T phải bắc đường ống qua nhà chị M hàng xóm. Khi biết tin chị M chuyển đi nơi khác, bán nhà cho người khác, anh T lo lắng không biết người mua nhà mới có cho anh tiếp tục lắp đường ống này không. Xin hỏi pháp luật quy định về quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 252 Bộ luật dân sự năm 2015 về quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề như sau:

Trường hợp do vị trí tự nhiên của bất động sản mà việc cấp, thoát nước buộc phải qua một bất động sản khác thì chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua phải dành một lối cấp, thoát nước thích hợp, không được cản trở hoặc ngăn chặn dòng nước chảy.

Người sử dụng lối cấp, thoát nước phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua khi lắp đặt đường dẫn nước; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường. Trường hợp nước tự nhiên chảy từ vị trí cao xuống vị trí thấp mà gây thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua thì người sử dụng lối cấp, thoát nước không phải bồi thường thiệt hại.

Như vậy anh T vẫn có thể tiếp tục bắc đường ống nước nhưng anh T phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho nhà hàng xóm.

**30. Khi xây dựng nhà văn hóa mới cho khu phố nhà anh P bị mất lối đi riêng. Anh P muốn đi chung vào lối đi của 02 nhà hàng xóm bên cạnh, vì anh cho rằng mình có quyền về lối đi qua theo pháp luật. Xin hỏi, ý kiến của anh có đúng hay sai?**

Ý kiến của anh Q hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự quy định quyền về lối đi qua như sau:

- Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

- Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thoả thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên; nếu có tranh chấp về lối đi thì có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác xác định.

- Trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định nêu trên mà không có đền bù.

**31.** **Pháp luật quy định việc chấm dứt quyền đối với bất động sản liền kề trong các trường hợp như thế nào?**

Tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về việc chấm dứt quyền đối với bất động sản liền kề như sau:

Quyền đối với bất động sản liền kề chấm dứt trong trường hợp sau đây:

- Bất động sản hưởng quyền và bất động sản chịu hưởng quyền thuộc quyền sở hữu của một người;

- Việc sử dụng, khai thác bất động sản không còn làm phát sinh nhu cầu hưởng quyền;

- Theo thỏa thuận của các bên;

- Trường hợp khác theo quy định của luật

**III. NGHĨA VỤ VÀ HỢP ĐỒNG**

**1. Quy định chung**

**32. Vì cần tiền gấp để lo xin việc cho đứa con út, chị L đến gặp bà Q hàng xóm đặt vấn đề muốn vay mượn 200 triệu, hẹn trong vòng 1 tuần sẽ trả. Bà Q muốn chị L phải có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình nên muốn biết pháp luật quy định có các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nào?**

Theo quy định tại Điều 292 Bộ luật dân sự, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm:

- Cầm cố tài sản;

- Thế chấp tài sản;

- Đặt cọc;

- Ký cược;

- Ký quỹ;

- Bảo lưu quyền sở hữu;

- Bảo lãnh;

- Tín chấp;

- Cầm giữ tài sản.

Vì vậy chị L phải thực hiện một trong các biện pháp bảo đảm nêu trên để vay được tiền của bà Q.

**33. Sắp đến ngày nộp học, mà bố mẹ ở quê chưa kịp gửi tiền lên nên G có ý định mang chiếc xe đạp điện đi cầm cố cho hiệu cầm đồ đầu đường để lấy tiền nộp học. G muốn hỏi pháp luật quy định như thế nào về cầm cố tài sản? Bên cầm cố có nghĩa vụ gì?**

Theo Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015, cầm cố tài sản là việc một bên giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Nghĩa vụ của bên cầm cố được quy định tại Điều 311 Bộ luật dân sự năm 2015, bao gồm:

- Giao tài sản cầm cố cho bên nhận cầm cố theo đúng thoả thuận.

- Báo cho bên nhận cầm cố về quyền của người thứ ba đối với tài sản cầm cố, nếu có; trường hợp không thông báo thì bên nhận cầm cố có quyền huỷ hợp đồng cầm cố tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc duy trì hợp đồng và chấp nhận quyền của người thứ ba đối với tài sản cầm cố.

- Thanh toán cho bên nhận cầm cố chi phí hợp lý để bảo quản tài sản cầm cố, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

**34. Pháp luật quy định bên cầm cố các các quyền như thế nào?**

Theo quy định của Điều 312 Bộ luật dân sự, bên cầm cố các các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên nhận cầm cố chấm dứt việc sử dụng tài sản cầm cố trong trường hợp được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thoả thuậnnếu do sử dụng mà tài sản cầm cố có nguy cơ bị mất giá trị hoặc giảm sút giá trị.

- Yêu cầu bên nhận cầm cố trả lại tài sản cầm cố và giấy tờ liên quan, nếu có khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt.

- Yêu cầu bên nhận cầm cố bồi thường thiệt hại xảy ra đối với tài sản cầm cố.

- Được bán, thay thế, trao đổi, tặng cho tài sản cầm cố nếu được bên nhận cầm cố đồng ý hoặc theo quy định của luật.

**35. Bà M cần gấp một số tiền lớn để lo cho con có tiền đi du học, bà M có ý định thế chấp ngôi nhà trên phố cho bà G để vay 1 tỷ trong vòng 1 tháng. Bà M muốn hỏi theo pháp luật, bên thế chấp sẽ có các nghĩa vụ gì?**

Tại Điều 320 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ của bên thế chấp bao gồm:

- Giao giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp trong trường hợp các bên có thỏa thuận, trừ trường hợp luật có quy định khác.

- Bảo quản, giữ gìn tài sản thế chấp.

- Áp dụng các biện pháp cần thiết để khắc phục, kể cả phải ngừng việc khai thác công dụng tài sản thế chấp nếu do việc khai thác đó mà tài sản thế chấp có nguy cơ mất giá trị hoặc giảm sút giá trị.

- Khi tài sản thế chấp bị hư hỏng thì trong một thời gian hợp lý bên thế chấp phải sửa chữa hoặc thay thế bằng tài sản khác có giá trị tương đương, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

- Cung cấp thông tin về thực trạng tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp.

- Giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự.

- Thông báo cho bên nhận thế chấp về các quyền của người thứ ba đối với tài sản thế chấp, nếu có; trường hợp không thông báo thì bên nhận thế chấp có quyền huỷ hợp đồng thế chấp tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc duy trì hợp đồng và chấp nhận quyền của người thứ ba đối với tài sản thế chấp.

- Không được bán, thay thế, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp, trừ trường hợp pháp luật quy định riêng biệt đối với tài sản được bán, thay thế, trao đổi tài sản thế chấp, nếu tài sản đó là hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật.

**36.** **Bà L có căn nhà tập thể cho thuê lấy tiền hàng tháng. Do có nhu cầu cần tiền giải quyết công việc gấp nên bà đã mang giấy tờ của căn nhà đi thế chấp cho ông Y. Bà muôn hỏi liệu bà vẫn được hưởng tiền thuê nhà hay không? Quyền của bên thế chấp được pháp luật quy định như thế nào?**

Tại Điều 321 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định bên thế chấp có các quyền sau đây:

**-** Khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản thế chấp, trừ trường hợp hoa lợi, lợi tức cũng là tài sản thế chấp theo thoả thuận.

**-** Đầu tư để làm tăng giá trị của tài sản thế chấp.

- Nhận lại tài sản thế chấp do người thứ ba giữ và giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp do bên nhận thế chấp giữ khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng thế chấp chấm dứt hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.

- Được bán, thay thế, trao đổi tài sản thế chấp, nếu tài sản đó là hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Trong trường hợp này, quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế hoặc được trao đổi trở thành tài sản thế chấp.

Trường hợp tài sản thế chấp là kho hàng thì bên thế chấp được quyền thay thế hàng hóa trong kho, nhưng phải bảo đảm giá trị của hàng hóa trong kho đúng như thỏa thuận.

- Được bán, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp không phải là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh, nếu được bên nhận thế chấp đồng ý hoặc theo quy định của luật.

- Được cho thuê, cho mượn tài sản thế chấp nhưng phải thông báo cho bên thuê, bên mượn biết về việc tài sản cho thuê, cho mượn đang được dùng để thế chấp và phải thông báo cho bên nhận thế chấp biết.

Bà L vẫn được hưởng tiền cho thuê nhà nếu như giữa bà L và ông Y có thỏa thuận về việc nội dung này.

**37. Để bảo đảm khoản vay nợ của S, bà K đã chấp nhận cho S thế chấp cửa hàng của mình trong thời gian 06 tháng. Thi thoảng có việc đi qua khu phố, bà K có vào qua xem xét, kiểm tra cửa hàng rồi nhanh chóng đi về. Xin hỏi, bà K có quyền làm việc đấy hay không? Pháp luật quy định bên nhận thế chấp có quyền và nghĩa vụ như thế nào?**

Tại Điều 322, Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định bên nhận thế chấp có nghĩa vụ và quyền như sau:

- Nghĩa vụ của bên nhận thế chấp:

+ Trả các giấy tờ cho bên thế chấp sau khi chấm dứt thế chấp đối với trường hợp các bên thỏa thuận bên nhận thế chấp giữ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp.

+ Thực hiện thủ tục xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

- Quyền của bên nhận thế chấp:

+ Xem xét, kiểm tra trực tiếp tài sản thế chấp, nhưng không được cản trở hoặc gây khó khăn cho việc hình thành, sử dụng, khai thác tài sản thế chấp.

+ Yêu cầu bên thế chấp phải cung cấp thông tin về thực trạng tài sản thế chấp.

+ Yêu cầu bên thế chấp áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo toàn tài sản, giá trị tài sản trong trường hợp có nguy cơ làm mất giá trị hoặc giảm sút giá trị của tài sản do việc khai thác, sử dụng.

+ Thực hiện việc đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

+ Yêu cầu bên thế chấp hoặc người thứ ba giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

+ Giữ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp trong trường hợp các bên có thỏa thuận, trừ trường hợp luật có quy định khác.

+ Xử lý tài sản thế chấp khi thuộc trường hợp quy định xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của Bộ luật dân sự

Như vậy, bà K có quyền xem xét, kiểm tra hiện trạng cửa hàng nhưng không được cản trở hay gây khó khăn cho hoạt động của của hàng.

**38. Q****uyền và nghĩa vụ của người thứ ba giữ tài sản thế chấp được pháp luật quy định như thế nào?**

Quyền và nghĩa vụ của người thứ ba giữ tài sản thế chấp được quy định tại Điều 324 Bộ luật dân sự năm 2015 như sau:

- Người thứ ba giữ tài sản thế chấp có các quyền sau đây:

+ Được khai thác công dụng tài sản thế chấp, nếu có thỏa thuận;

+ Được trả thù lao và chi phí bảo quản, giữ gìn tài sản thế chấp, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

- Người thứ ba giữ tài sản thế chấp có các nghĩa vụ sau đây:

+ Bảo quản, giữ gìn tài sản thế chấp; nếu làm mất tài sản thế chấp, làm mất giá trị hoặc giảm sút giá trị của tài sản thế chấp thì phải bồi thường;

+ Không được tiếp tục khai thác công dụng tài sản thế chấp nếu việc tiếp tục khai thác có nguy cơ làm mất giá trị hoặc giảm sút giá trị của tài sản thế chấp;

+ Giao lại tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp hoặc bên thế chấp theo thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

**39. Quyền và nghĩa vụ của bên cầm giữ tài sản được pháp luật quy định như thế nào?**

Theo Điều 348, Điều 349 Bộ luật dân sự năm 2015, bên cầm giữ tài sản có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyền của bên cầm giữ:

+ Yêu cầu bên có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng song vụ.

+ Yêu cầu bên có nghĩa vụ phải thanh toán chi phí cần thiết cho việc bảo quản, giữ gìn tài sản cầm giữ.

+ Được khai thác tài sản cầm giữ để thu hoa lợi, lợi tức nếu được bên có nghĩa vụ đồng ý.

Giá trị của việc khai thác tài sản cầm giữ được bù trừ vào giá trị nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ.

- Nghĩa vụ của bên cầm giữ:

+ Giữ gìn, bảo quản tài sản cầm giữ.

+ Không được thay đổi tình trạng của tài sản cầm giữ.

+ Không được chuyển giao, sử dụng tài sản cầm giữ nếu không có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ.

+ Giao lại tài sản cầm giữ khi nghĩa vụ đã được thực hiện.

+ Bồi thường thiệt hại nếu làm mất hoặc hư hỏng tài sản cầm giữ.

**40. Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ?**

Tại Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do phạm nghĩa vụ như sau:

- Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền.

Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ.

- Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Bên có nghĩa vụ không phải chịu trách nhiệm dân sự nếu chứng minh được nghĩa vụ không thực hiện được là hoàn toàn do lỗi của bên có quyền.

**41. Xin hãy cho biết thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ gồm những thiệt hại nào?**

Theo quy định tại Điều 361 Bộ luật dân sự năm 2015, thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ bao gồm thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần:

- Thiệt hại về vật chất là tổn thất vật chất thực tế xác định được, bao gồm tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút.

- Thiệt hại về tinh thần là tổn thất về tinh thần do bị xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín và các lợi ích nhân thân khác của một chủ thể.

**42. Xin hãy cho biết nghĩa vụ dân sự chấm dứt dựa trên căn cứ nào?**

Theo Điều 372 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ chấm dứt trong trường hợp sau đây:

- Nghĩa vụ được hoàn thành;

- Theo thoả thuận của các bên;

- Bên có quyền miễn việc thực hiện nghĩa vụ;

- Nghĩa vụ được thay thế bằng nghĩa vụ khác;

- Nghĩa vụ được bù trừ;

- Bên có quyền và bên có nghĩa vụ hoà nhập làm một;

- Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ đã hết;

- Bên có nghĩa vụ là cá nhân chết hoặc là pháp nhân chấm dứt tồn tại mà nghĩa vụ phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện;

- Bên có quyền là cá nhân chết mà quyền yêu cầu không thuộc di sản thừa kế hoặc là pháp nhân chấm dứt tồn tại mà quyền yêu cầu không được chuyển giao cho pháp nhân khác;

- Vật đặc định là đối tượng của nghĩa vụ không còn và được thay thế bằng nghĩa vụ khác;

- Trường hợp khác do luật quy định.

**43. Biết bà G có mảnh đất muốn bán, chị Y đã đến hỏi han về hiện trạng mảnh đất, giá cả và xem các giấy tờ liên quan đến mảnh đất. Chị Y rất muốn mua mảnh đất, nên đã nói với bà G sẽ chờ chồng đi công tác về rồi trao đổi, nếu thuận mua bán thì cuối tuần sẽ sang trao đổi thỏa thuận về hợp đồng mua bán. Xin hỏi trong trường hợp này, ý kiến của chị Y có được coi là đề nghị giao kết hợp đồng hay không?**

Tại Điều 386 Bộ luật dân sự năm 2015 đã quy định về đề nghị giao kết hợp đồng như sau:

- Đề nghị giao kết hợp đồng là việc thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này của bên đề nghị đối với bên đã được xác định hoặc tới công chúng (sau đây gọi chung là bên được đề nghị).

- Trường hợp đề nghị giao kết hợp đồng có nêu rõ thời hạn trả lời, nếu bên đề nghị lại giao kết hợp đồng với người thứ ba trong thời hạn chờ bên được đề nghị trả lời thì phải bồi thường thiệt hại cho bên được đề nghị mà không được giao kết hợp đồng nếu có thiệt hại phát sinh.

Theo quy định nêu trên ý kiến của chị Y có thể được coi là đề nghị giao kết hợp đồng

**44. Xin hỏi việc cung cấp các thông tin này trong giao kết hợp đồng được pháp luật quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 387 Bộ luật dân sự năm 2015 về thông tin trong giao kết hợp đồng như sau:

- Trường hợp một bên có thông tin ảnh hưởng đến việc chấp nhận giao kết hợp đồng của bên kia thì phải thông báo cho bên kia biết.

- Trường hợp một bên nhận được thông tin bí mật của bên kia trong quá trình giao kết hợp đồng thì có trách nhiệm bảo mật thông tin và không được sử dụng thông tin đó cho mục đích riêng của mình hoặc cho mục đích trái pháp luật khác.

- Bên vi phạm các quy định nêu trên mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

**45. Xin hỏi pháp luật quy định thời điểm đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực khi nào?**

Theo quy định tại Điều 388 năm 2015 về thời điểm đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực như sau:

- Thời điểm đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực được xác định như sau:

+ Do bên đề nghị ấn định;

+ Nếu bên đề nghị không ấn định thì đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực kể từ khi bên được đề nghị nhận được đề nghị đó, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác.

- Các trường hợp sau đây được coi là đã nhận được đề nghị giao kết hợp đồng:

+ Đề nghị được chuyển đến nơi cư trú, nếu bên được đề nghị là cá nhân; được chuyển đến trụ sở, nếu bên được đề nghị là pháp nhân;

+ Đề nghị được đưa vào hệ thống thông tin chính thức của bên được đề nghị;

+ Khi bên được đề nghị biết được đề nghị giao kết hợp đồng thông qua các phương thức khác.

**46. Mặc dù đã hết thời hạn 01 tuần mà vẫn không thấy anh V chuyển đồ đạc đến căn nhà trọ định thuê như đã giao hẹn với bà P là chủ khu nhà trọ. Khi có người khác đến đặt vấn đề muốn thuê, bà P đã cho người khác thuê, vì bà cho rằng đã chấm dứt đề nghị thuê nhà giữa bà và anh V. Xin hỏi, ý kiến của bà P có chính xác hay không? Đề nghị giao kết hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp nào?**

Tại Điều 391 Bộ luật dân sự năm 2015 về chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng. Theo đó, đề nghị giao kết hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây:

- Bên được đề nghị chấp nhận giao kết hợp đồng;

- Bên được đề nghị trả lời không chấp nhận;

- Hết thời hạn trả lời chấp nhận;

- Khi thông báo về việc thay đổi hoặc rút lại đề nghị có hiệu lực;

- Khi thông báo về việc huỷ bỏ đề nghị có hiệu lực;

- Theo thoả thuận của bên đề nghị và bên được đề nghị trong thời hạn chờ bên được đề nghị trả lời.

Như vậy, căn cứ theo quy định trên, bà P có quyền cho người khác thuê do hết thời hạn giao kết anh V vẫn không chuyển đồ đạc đến nhà trọ- hết thời hạn trả lời chấp nhận.

**47. Bà T là chủ khu nhà trọ nói đồng ý cho Y thuê phòng trọ nếu như Y chấp nhận các điều kiện: như không được về muộn quá 22h, không được cho bạn bè và người lạ ngủ lại qua đêm…Nếu Y đồng ý thì đầu tháng sau có thể chuyển đến phòng trọ. Y đã đồng ý các điều kiện này. Xin hỏi, trường hợp này có được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng hay không? Pháp luật quy định về thời hạn trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng như thế nào?**

Trường hợp của em P có được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 393 Bộ luật dân sự năm 2015 về chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng:

- Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng là sự trả lời của bên được đề nghị về việc chấp nhận toàn bộ nội dung của đề nghị.

- Sự im lặng của bên được đề nghị không được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc theo thói quen đã được xác lập giữa các bên.

Về thời hạn trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng được quy định tại Điều 394 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể:

- Khi bên đề nghị có ấn định thời hạn trả lời thì việc trả lời chấp nhận chỉ có hiệu lực khi được thực hiện trong thời hạn đó; nếu bên đề nghị giao kết hợp đồng nhận được trả lời khi đã hết thời hạn trả lời thì chấp nhận này được coi là đề nghị mới của bên chậm trả lời.

Khi bên đề nghị không nêu rõ thời hạn trả lời thì việc trả lời chấp nhận chỉ có hiệu lực nếu được thực hiện trong một thời hạn hợp lý.

- Trường hợp thông báo chấp nhận giao kết hợp đồng đến chậm vì lý do khách quan mà bên đề nghị biết hoặc phải biết về lý do khách quan này thì thông báo chấp nhận giao kết hợp đồng vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp bên đề nghị trả lời ngay không đồng ý với chấp nhận đó của bên được đề nghị.

- Khi các bên trực tiếp giao tiếp với nhau, kể cả trong trường hợp qua điện thoại hoặc qua phương tiện khác thì bên được đề nghị phải trả lời ngay có chấp nhận hoặc không chấp nhận, trừ trường hợp các bên có thoả thuận về thời hạn trả lời.

**48. Nhờ thời tiết thuận lợi, nên vụ mùa năm nay nhà bà X thu hoạch được 5 tấn lúa. Hơn nữa, con trâu cái nhà bà lại đẻ được 02 con nghé con. Khi có ông S là lái buôn trong làng đến thu mua lúa và nghé nhà bà. Bà X muốn lập hợp đồng mua bán để tránh các mâu thuẫn phát sinh, bà X muốn biết hợp đồng gồm có những nội dung gì?**

Theo quy định tại Điều 398 Bộ luật dân sự năm 2015, các bên trong hợp đồng có quyền thỏa thuận về nội dung trong hợp đồng, hợp đồng gồm các nội dung sau đây:

+ Đối tượng của hợp đồng;

+ Số lượng, chất lượng;

+ Giá, phương thức thanh toán;

+ Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng;

+ Quyền, nghĩa vụ của các bên;

+ Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;

+ Phương thức giải quyết tranh chấp.

**49. G muốn lập hợp đồng bán chiếc ô tô cũ đã qua sử dụng cho công ty vận tải K. Tuy nhiên, G lại ở xa trụ sở công ty nên G có mong muốn được ký kết hợp đồng mua bán tại nhà của mình? Xin hỏi pháp luật quy định về đia điểm giao kết hợp đồng và thời điểm giao kết hợp đồng như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 399 Bộ luật dân sự năm 2015 địa điểm giao kết hợp đồng do các bên thoả thuận; nếu không có thoả thuận thì địa điểm giao kết hợp đồng là nơi cư trú của cá nhân hoặc trụ sở của pháp nhân đã đưa ra đề nghị giao kết hợp đồng.

Đồng thời tại Điều 400 của Bộ luật dân sự năm 2015 thời điểm giao kết hợp đồng được quy định như sau:

- Hợp đồng được giao kết vào thời điểm bên đề nghị nhận được chấp nhận giao kết.

- Trường hợp các bên có thỏa thuận im lặng là sự trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng trong một thời hạn thì thời điểm giao kết hợp đồng là thời điểm cuối cùng của thời hạn đó.

- Thời điểm giao kết hợp đồng bằng lời nói là thời điểm các bên đã thỏa thuận về nội dung của hợp đồng.

- Thời điểm giao kết hợp đồng bằng văn bản là thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản hay bằng hình thức chấp nhận khác được thể hiện trên văn bản.

Trường hợp hợp đồng giao kết bằng lời nói và sau đó được xác lập bằng văn bản thì thời điểm giao kết hợp đồng được xác định theo khoản 3 Điều này.

Như vậy, hợp đồng bán chiếc ô tô cũ giữa G và công ty vận tải K có thể được ký kết tại nhà của G trong trường hợp hai bên thỏa thuận được với nhau.

**50. Xin hỏi pháp luật quy định như thế nào về điều kiện giao dịch chung trong giao kết hợp đồng?**

Tại Điều 406 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về điều kiện giao dịch chung trong giao kết hợp đồng như sau:

- Điều kiện giao dịch chung là những điều khoản ổn định do một bên công bố để áp dụng chung cho bên được đề nghị giao kết hợp đồng; nếu bên được đề nghị chấp nhận giao kết hợp đồng thì coi như chấp nhận các điều khoản này.

- Điều kiện giao dịch chung chỉ có hiệu lực với bên xác lập giao dịch trong trường hợp điều kiện giao dịch này đã được công khai để bên xác lập giao dịch biết hoặc phải biết về điều kiện đó.

Trình tự, thể thức công khai điều kiện giao dịch chung thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Điều kiện giao dịch chung phải bảo đảm sự bình đẳng giữa các bên. Trường hợp điều kiện giao dịch chung có quy định về miễn trách nhiệm của bên đưa ra điều kiện giao dịch chung, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bên kia thì quy định này không có hiệu lực, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

**51. Biết N có ý định muốn thuê một nhà kho để làm xưởng gia công, bà M đã gặp N là nói rằng mình có một nhà kho đủ các tiêu chuẩn mà N mong muốn. Tuy nhiên, sau khi ký kết hợp đồng, N mới biết, nhà kho này thuộc quản lý của H con gái bà M. Bà M đã cưỡng ép chị H phải cho N thuê. Mặc dù chị H muốn để nhà kho này cho chồng mình kinh doanh. Xin hỏi, trường hợp này, hợp đồng giữa N và bà M có bị coi là vô hiệu hay không?**

Tại Điều 407 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vô hiệu như sau:

Hợp đồng vô hiệu được áp dụng như các quy định về giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định của của Bộ luật dân sự gồm vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội; do giả tạo; do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện; do bị nhầm lẫn; do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép....

Như vây, chiếu theo quy định trên hợp đồng giữa N và bà M bị coi là vô hiệu do H bị cưỡng ép ký hợp đồng trong khi H không muốn.

**52. Hợp đồng vận chuyển được ký kết giữa anh R và công ty vận tải P có nội dung: hàng tuần, công ty sẽ điều 02 chiếc xe tải chở hàng cho anh R từ kho của công ty anh R đến phân phối cho một số cửa hàng theo các địa điểm cụ thể trong thành phố. Tuy nhiên, trong một lần đến giờ hẹn, một chiếc xe tải của công ty đã đến chậm giờ quy định do lái xe ngủ quên, khiến cho cửa hàng của anh R không kịp cung cấp hàng cho khách bị thiệt hại 10 triệu đồng. Xin hỏi, thiệt hại trong trường hợp này được giải quyết như thế nào? Pháp luật quy định thiệt hại được bồi thường do vi phạm hợp đồng như thế nào?**

Thiệt hại trong hợp đồng giữa anh R và công ty vận tải P sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 419 Bộ luật dân sự năm 2015 về thiệt hại được bồi thường do vi phạm hợp đồng như sau:

- Thiệt hại được bồi thường do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng được xác định theo quy định dưới đây. Cá nhân, pháp nhân có quyền dân sự bị xâm phạm được bồi thường toàn bộ thiệt hại, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Trường hợp có thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ gây ra thì bên có nghĩa vụ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

- Người có quyền có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà lẽ ra mình sẽ được hưởng do hợp đồng mang lại. Người có quyền còn có thể yêu cầu người có nghĩa vụ chi trả chi phí phát sinh do không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng mà không trùng lặp với mức bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà hợp đồng mang lại.

- Theo yêu cầu của người có quyền, Tòa án có thể buộc người có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tinh thần cho người có quyền. Mức bồi thường do Tòa án quyết định căn cứ vào nội dung vụ việc.

**53. K làm hợp đồng vận chuyển hàng hóa với nhà xe V với nội dung chuyển hàng từ thành phố Hà Nội lên tỉnh miền núi Hà Giang với thời gian cả đi lẫn về trong 03 ngày. Tuy nhiên, khi thực hiện hợp đồng, trên đường đi, do thời tiết bất ngờ chuyển mưa bão, K rất lo lắng không biết có thực hiện được hợp đồng này hay không? Pháp luật quy định về việc thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 420 Bộ luật dân sự về việc thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản:

- Hoàn cảnh thay đổi cơ bản khi có đủ các điều kiện sau đây:

+ Sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng;

+ Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh;

+ Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác;

+ Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên;

+ Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích.

- Trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng trong một thời hạn hợp lý.

- Trường hợp các bên không thể thỏa thuận được về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời hạn hợp lý, một trong các bên có thể yêu cầu Tòa án:

+ Chấm dứt hợp đồng tại một thời điểm xác định;

+ Sửa đổi hợp đồng để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

Tòa án chỉ được quyết định việc sửa đổi hợp đồng trong trường hợp việc chấm dứt hợp đồng sẽ gây thiệt hại lớn hơn so với các chi phí để thực hiện hợp đồng nếu được sửa đổi.

- Trong quá trình đàm phán sửa đổi, chấm dứt hợp đồng, Tòa án giải quyết vụ việc, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

**54. Để chuẩn bị đám cưới cho con trai, bà S đã ký kết hợp đồng gia công với xưởng thủ công mỹ nghệ Q với thỏa thuận về việc sản xuất một số sản phẩm như giường cưới, bàn phấn và tủ quần áo bằng gỗ sồi nhập khẩu từ Nga về trong thời hạn 02 tháng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, con trai bà S muốn nhanh xúc tiến đám cưới trước ngày đã dự định để kịp đi du học nước ngoài, nên liệu bà S có thể thỏa thuận với xưởng thủ công để sửa đổi hợp đồng hay không? Pháp luật quy định về việc sửa đổi hợp đồng như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 421 Bộ luật dân sự về sửa đổi hợp đồng như sau:

- Các bên có thể thoả thuận sửa đổi hợp đồng.

- Hợp đồng có thể được sửa đổi theo quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản của Bộ luật dân sự.

- Hợp đồng sửa đổi phải tuân theo hình thức của hợp đồng ban đầu.

Như vậy bà S có thể thỏa thuận với xưởng thủ công để sửa đổi hợp đồng.

**55. T và P thỏa thuận về việc ký kết hợp đồng mua bán chiếc xe máy SH của T với nội dung sau khi ký hợp đồng 02 ngày, T sẽ bàn giao xe máy và giấy tờ xe cho P. Tuy nhiên ngay sau ký hợp đồng, xe của T đã bị mất trộm. Xin hỏi trong trường hợp này, hợp đồng mua bán xe của T và P có bị chấm dứt hay không?**

Tại Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về chấm dứt hợp đồng, hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây:

- Hợp đồng đã được hoàn thành;

- Theo thoả thuận của các bên;

- Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện;

- Hợp đồng bị huỷ bỏ, bị đơn phương chấm dứt thực hiện;

- Hợp đồng không thể thực hiện được do đối tượng của hợp đồng không còn;

- Hợp đồng chấm dứt theo quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo Bộ luật dân sự

- Trường hợp khác do luật quy định.

Trong trường hợp này, hợp đồng của T và P đã bị chấm dứt do đối tượng của hợp đồng là chiếc xe máy không còn nữa,

**56. E đã ký kết hợp đồng hợp tác làm ăn với F với điều kiện, mỗi người góp 100 triệu để mở văn phòng giới thiệu việc làm cho sinh viên với các nội dung rõ ràng như: quyền, nghĩa vụ của các bên, phương thức làm việc, mức phân chia lợi nhuận…Tuy nhiên, đến thời hạn góp vốn, F không đưa được số tiền theo quy định, hơn nữa còn có ý định thuê văn phòng ảo và kinh doanh một số nội dung trái với thỏa thuận nên E đã hủy bỏ hợp đồng với F. Pháp luật quy định về việc hủy bỏ hợp đồng như thế nào**?

Việc huỷ bỏ hợp đồng được quy định tại Điều 423 Bộ luật dân sự năm 2015 như sau:

- Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp sau đây:

+ Bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận;

+ Bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng;

+ Trường hợp khác do luật quy định.

- Vi phạm nghiêm trọng là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.

+ Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

**57. Anh Q là Tổng giám đốc của nhà máy đã ký hợp đồng vận chuyển hành khách với hãng xe D với điều kiện: hàng ngày hãng xe sẽ bố trí xe chuyên chở nhân công của công ty tại các điểm hẹn đến nhà máy theo một lịch trình đã định. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hợp đồng được 02 tháng, tài xế của hãng xe thường xuyên đến không đúng giờ hẹn, còn chuyên chở thêm hàng hóa riêng, không bảo đảm đủ chỗ ngồi và xuất phát chậm giờ. Anh Q có ý kiến nhiều lần nhưng hãng xe không thay đổi nên có ý định đơn phương chấm dứt hợp đồng được không? Pháp luật quy định về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng như thế nào?**

Anh Q có thể đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng vận chuyển do hãng xe đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng theo Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng như sau:

- Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

- Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc chấm dứt hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

- Khi hợp đồng bị đơn phương chấm dứt thực hiện thì hợp đồng chấm dứt kể từ thời điểm bên kia nhận được thông báo chấm dứt. Các bên không phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ, trừ thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thỏa thuận về giải quyết tranh chấp. Bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán phần nghĩa vụ đã thực hiện.

- Bên bị thiệt hại do hành vi không thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng của bên kia được bồi thường.

- Trường hợp việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng không có căn cứ quy định nêu trên thì bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng được xác định là bên vi phạm nghĩa vụ và phải thực hiện trách nhiệm dân sự theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan do không thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng.

**2. Một số hợp đồng thông dụng**

**58. Hợp đồng mua bán tài sản là gì? Đối tượng của hợp đồng mua bán được pháp luật quy định như thế nào?**

Tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng mua bán tài sản như sau:

Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán.

Hợp đồng mua bán nhà ở, mua bán nhà để sử dụng vào mục đích khác được thực hiện theo quy định của Bộ luật này, Luật nhà ở và luật khác có liên quan.

Đối tượng của hợp đồng mua bán được quy định tại Điều 431 Bộ luật dân sự năm 2015 như sau:

- Tài sản được quy định tại Bộ luật dân sự đều có thể là đối tượng của hợp đồng mua bán. Trường hợp theo quy định của luật, tài sản bị cấm hoặc bị hạn chế chuyển nhượng thì tài sản là đối tượng của hợp đồng mua bán phải phù hợp với các quy định đó.

- Tài sản bán thuộc sở hữu của người bán hoặc người bán có quyền bán.

**59. Bà M làm hợp đồng mua bán căn hộ tập thể cũ cho chị N với thỏa thuận sau khi nhận tiền sẽ chuyển nhà đi trong vòng 01 tuần. Tuy nhiên gần đến ngày hết hạn phải chuyển đi, bà M vẫn chưa hoàn thiện xong nội thất cho căn nhà mới chuyển đến. Bà M có ý định xin kéo dài vài ngày nữa liệu có được không? Xin hỏi pháp luật quy định về thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán như thế nào?**

Ý định của bà M về việc kéo dài thời hạn thực hiện hợp đồng phải được bên mua đồng ý theo Điều 434 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán như sau:

- Thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán do các bên thoả thuận. Bên bán phải giao tài sản cho bên mua đúng thời hạn đã thoả thuận; bên bán chỉ được giao tài sản trước hoặc sau thời hạn nếu được bên mua đồng ý.

- Khi các bên không thoả thuận thời hạn giao tài sản thì bên mua có quyền yêu cầu bên bán giao tài sản và bên bán cũng có quyền yêu cầu bên mua nhận tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau một thời gian hợp lý.

- Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản.

**60. Pháp luật quy định về địa điểm, phương thức giao tài sản mua bán như thế nào?**

Địa điểm, phương thức giao tài sản mua bán được quy định tại Điều 435, Điều 436 Bộ luật dân sự năm 2015 như sau:

- Địa điểm giao tài sản: Địa điểm giao tài sản do các bên thoả thuận; nếu không có thoả thuận thì áp dụng quy định về địa điểm thực hiện nghĩa vụ được xác định như sau:

+ Nơi có bất động sản, nếu đối tượng của nghĩa vụ là bất động sản;

+ Nơi cư trú hoặc trụ sở của bên có quyền, nếu đối tượng của nghĩa vụ không phải là bất động sản.

Khi bên có quyền thay đổi nơi cư trú hoặc trụ sở thì phải báo cho bên có nghĩa vụ và phải chịu chi phí tăng lên do việc thay đổi nơi cư trú hoặc trụ sở, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

- Phương thức giao tài sản được quy định:

+ Tài sản được giao theo phương thức do các bên thoả thuận; nếu không có thoả thuận thì tài sản do bên bán giao một lần và trực tiếp cho bên mua.

+ Trường hợp theo thỏa thuận, bên bán giao tài sản cho bên mua thành nhiều lần mà bên bán thực hiện không đúng nghĩa vụ ở một lần nhất định thì bên mua có thể hủy bỏ phần hợp đồng liên quan đến lần vi phạm đó và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

**61. Chị S thường xuyên đặt hàng mua sữa xách tay từ Úc về cho con gái thông qua cửa hàng X. Đợt gần đây, chị sợ sữa khan hiếm nên đặt mua 20 hộp sữa. Tuy nhiên, khi nhân viên cửa hàng giao sữa đến, chị thấy thiếu 02 hộp so với yêu cầu của chị. Chị S muốn hỏi trong trường hợp này, trách nhiệm của các bên do giao tài sản không đúng số lượng được pháp luật quy định như thế nào?**

Trách nhiệm do giao tài sản không đúng số lượng được quy định tại Điều 437 Bộ luật dân sự, cụ thể:

- Trường hợp bên bán giao tài sản với số lượng nhiều hơn số lượng đã thoả thuận thì bên mua có quyền nhận hoặc không nhận phần dôi ra; nếu nhận thì phải thanh toán đối với phần dôi ra theo giá được thỏa thuận trong hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

- Trường hợp bên bán giao ít hơn số lượng đã thoả thuận thì bên mua có một trong các quyền sau đây:

+ Nhận phần đã giao và định thời hạn để bên bán giao tiếp phần còn thiếu;

+ Nhận phần đã giao và yêu cầu bồi thường thiệt hại;

+ Hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu việc vi phạm làm cho bên mua không đạt được mục đích giao kết hợp đồng.

**62. Cửa hàng ảnh viện áo cưới Z có đặt mua từ đại lý phân phối chính của hãng điện tử X một số máy ảnh đời mới nhất. Tuy nhiên, khi nhận hàng, chủ cửa hàng phát hiện một số linh kiện trong máy móc không đồng bộ với các thiết bị còn lại nên muốn hỏi trách nhiệm do giao vật không đồng bộ được pháp luật quy định như thế nào? Vật đồng bộ là gì?**

Tại Điều 114 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vật đồng bộ:

Vật đồng bộ là vật gồm các phần hoặc các bộ phận ăn khớp, liên hệ với nhau hợp thành chỉnh thể mà nếu thiếu một trong các phần, các bộ phận hoặc có phần hoặc bộ phận không đúng quy cách, chủng loại thì không sử dụng được hoặc giá trị sử dụng của vật đó bị giảm sút.

Khi thực hiện nghĩa vụ chuyển giao vật đồng bộ thì phải chuyển giao toàn bộ các phần hoặc các bộ phận hợp thành, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Trách nhiệm do giao vật không đồng bộ được quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự:

­- Trường hợp vật được giao không đồng bộ làm cho mục đích sử dụng của vật không đạt được thì bên mua có một trong các quyền sau đây:

+ Nhận và yêu cầu bên bán giao tiếp phần hoặc bộ phận còn thiếu, yêu cầu bồi thường thiệt hại và hoãn thanh toán phần hoặc bộ phận đã nhận cho đến khi vật được giao đồng bộ;

+ Hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Trường hợp bên mua đã trả tiền nhưng chưa nhận vật do giao không đồng bộ thì được trả lãi đối với số tiền đã trả theo lãi suất thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự và yêu cầu bên bán bồi thường thiệt hại do giao vật không đồng bộ, kể từ thời điểm phải thực hiện hợp đồng cho đến khi vật được giao đồng bộ.

**63. Đề phục công việc, chị V đã gọi đến cửa hàng Z đặt mua 30 thùng giấy A4 loại trắng tinh. Tuy nhiên, cửa hàng lại mang đến cho chị loại giấy A4 có độ trắng kém hơn, không đúng chủng loại mà chị yêu cầu. Chị V yêu cầu cửa hàng Z mang lại cho chị đúng chủng loại giấy mà chị yêu cầu? Pháp luật quy định như Trách nhiệm giao tài sản không đúng chủng loại được pháp luật quy định như thế nào?**

Tại Điều 439 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trường hợp tài sản được giao không đúng chủng loại thì bên mua có một trong các quyền sau đây :

- Nhận và thanh toán theo giá do các bên thoả thuận;

- Yêu cầu giao tài sản đúng chủng loại và bồi thường thiệt hại;

- Hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu việc giao không đúng chủng loại làm cho bên mua không đạt được mục đích giao kết hợp đồng.

Trường hợp tài sản gồm nhiều chủng loại mà bên bán không giao đúng với thỏa thuận đối với một hoặc một số loại thì bên mua có thể hủy bỏ phần hợp đồng liên quan đến loại tài sản đó và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Như vậy, việc chị V yêu cầu của hàng mang lại cho chị đúng chủng loại giấy mà chị yêu càu là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

 **64. Anh A mua một chiếc điện thoại di động Nokia với giá 04 triệu đồng và được ông B – chủ cửa hàng cam kết bảo hàng trong thời hạn 03 tháng. Tuy nhiên, sau khi mua về sử dụng được 2 tháng, chiếc điện thoại đột ngột không khởi động được. Anh A mang điện thoại ra cửa hàng để bảo hành thì ông B trả lời không nhận bảo hành do đã hết thời hạn bảo hành vì thời điểm bảo hành tính từ khi sản xuất máy đến nay đã 04 tháng. Vậy trong trường hợp này, anh A có quyền yêu cầu được bảo hành hay không?**

Căn cứ theo Điều 446 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “*Bên bán có nghĩa vụ bảo hành đối với vật mua bán trong một thời hạn, gọi là thời hạn bảo hành, nếu việc bảo hành do các bên thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Thời hạn bảo hành được tính kể từ thời điểm bên mua có nghĩa vụ phải nhận vật*.”

Theo quy định này có thể thấy, anh A và ông B đã thỏa thuận bảo hành trong thời hạn 03 tháng mà theo quy định thời hạn bảo hành được tính từ thời điểm anh A nhận chiếc điện thoại. Vì vậy, việc ông B không đồng ý bảo hành chiếc điện thoại với lý do thời điểm bảo hành tính từ khi máy sản xuất, đã hết thời hạn bảo hành là không phù hợp với quy định trên. Theo đó, anh A có quyền yêu cầu ông B thực hiện việc bảo hành đối với chiếc điện thoại do tính tới thời điểm anh A phát hiện chiếc điện thoại bị hỏng, anh A mới sử dụng được 02 tháng, vẫn còn trong thời hạn bảo hành.

Đồng thời căn cứ theo Điều 447 Bộ luật dân sự năm 2015, anh A có quyền yêu cầu ông B sửa chữa chiếc điện thoại không phải trả tiền, giảm giá, đổi chiếc điện thoại bỉ hỏng lấy vật khác hoặc trả lại chiếc điện thoại và lấy lại tiền.

 **65. Ông C có mua một chiếc lò vi sóng tại trung tâm điện máy X với thời hạn bảo hành là 01 năm. Trong một lần sử dụng để hâm nóng thức ăn thì lò vi sóng bỗng nhiên phát ra tiếng nổ làm hòng toàn bộ hệ thống điện của gia đình ông C khiến ông C phải thay lại toàn bộ hệ thống điện trong nhà với giá 10.000.000 đồng. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự, ông C có quyền yêu cầu trung tâm điện máy X bồi thường số tiền 10.000.000 đồng nêu trên hay không, được biết chiếc lò vi sóng vẫn trong thời hạn bảo hành?**

Trong trường hợp của ông C, có thể thấy số tiền 10.000.000 đồng ông C bỏ ra để sửa chữa hệ thống điện xuất phát từ nguyên nhân do lò vi sóng ông C mua tại trung tâm X phát nổ. Vì thế, theo khoản 1 Điều 449 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “*ngoài việc yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo hành, bên mua có quyền yêu cầu bên bán bồi thường thiệt hại do khuyết tật về kỹ thuật của vật gây ra trong thời hạn bảo hành*.”. Như vậy, ông C có quyền yêu cầu trung tâm X ngoài việc thực hiện bảo hành đối với lò vi sóng ông mua, còn phải thực hiện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng nếu việc cháy nổ xuất phát từ khuyết tật kỹ thuật của lò vi sóng.

Mặt khác, trung tâm điện máy X sẽ không phải bồi thường số tiền trên nếu chứng minh được thiệt hại xảy ra do lỗi của ông C hoặc được giảm mức bồi thường thiệt hại nếu ông C không áp dụng các biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép nhằm ngăn chặn, hạn chế thiệt hại theo quy định tại khoản 2 Điều 449 Bộ luật dân sự năm 2015

 **66. Ông A và ông B là bạn bè thân thiết được hơn 20 năm. Trong một lần sang nhà ông A chơi, ông B rất thích một chiếc bình cổ của ông A và ngỏ ý muốn mua lại. Thấy ông B rất thích chiếc bình, ông A cũng đồng ý nhường lại cho ông B nhưng vì là bạn bè thân thiết lâu năm nên ông A không đồng ý nhận tiền của ông B. Thấy ông A nhiệt tình, ông B cũng nhận chiếc bình và cảm ơn ông A. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thỏa thuận giữa ông A và ông B được coi là hợp đồng gì?**

Trong tình huống trên, theo thỏa thuận giữa ông A và ông B, ông A đã đồng ý giao tài sản của mình là chiếc bìnhvà chuyển quyền sở hữu chiếc bình cho ông B thông qua hành động nhường lại chiếc bình. Bên cạnh đó, ông A cũng không yêu cầu ông B phải đền bù gì lại cho mình. Ông B cũng đã đồng ý nhận chiếc bình của ông A. Như vậy, căn cứ theo Điều 457 Bộ luật dân sự năm 2015 về định nghĩa hợp đồng tặng cho tài sản: “*Hợp đồng tặng cho tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên tặng cho giao tài sản của mình và chuyển quyền sở hữu cho bên được tặng cho mà không yêu cầu đền bù, bên được tặng cho đồng ý nhận*.”, Như vậy, việc thỏa thuận giữa ông A và ông B được coi là một hợp đồng tặng cho tài sản.

 **67. Vì là bạn bè thân thiết nên khi thấy ông C gặp khó khăn ông A đã tặng chiếc xe máy dream mà mình đang đi cho ông C để ông C sử dụng làm phương tiện chạy xe ôm kiếm sống. Tuy nhiên, sau thời gian, ông C đã bán chiếc xe máy này lại cho ông B với giá 10.000.000 đồng. Thấy vậy, ông A liền yêu cầu ông B trả lại chiếc xe vì lý do ông chỉ cho ông C dùng xe để chạy xe ôm không phải để bán. Vậy, theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của ông A có phù hợp hay không?**

Theo khoản 2 Điều 458 Bộ luật dân sự năm 2015 “ *Đối với động sản mà luật có quy định đăng ký quyền sở hữu thì hợp đồng tặng cho có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký*.”, Đối chiếu với tình huống của ông A, do chiếc xe máy của ông A là tài sản pháp luật yêu cầu phải đăng ký quyền sở hữu nên xuất hiện hai trường hợp:

- Trường hợp thứ nhất: Chiếc xe máy đã được ông A đã thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu sang tên cho ông C như vậy hợp đồng tặng cho giữa ông A và ông C đã có hiệu lực. Vì thế, chiếc xe máy đã thuộc quyền sở hữu của ông C nên ông C có toàn quyền định đoạt, bán chiếc xe cho bất kỳ ai. Theo đó, việc yêu cầu đòi lại chiếc xe của ông A là không phù hợp theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp thứ hai: Chiếc xe máy chưa được ông A đã thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu sang tên cho ông C như vậy hợp đồng tặng cho giữa ông A và ông C vẫn chưa có hiệu lực. Vì thế, chiếc xe máy này vẫn thuộc quyền sở hữu của ông A nên việc ông C bán chiếc xe là không hợp pháp. Theo đó, việc yêu cầu đòi lại chiếc xe của ông A là hoàn toàn phù hợp theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

 **68. Do con gái chuẩn bị cưới chồng, bà Bình định cho con gái căn hộ chung cư đang đứng tên bà làm của hồi môn. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Bà Bình cần chú ý những điểm gì để việc tặng cho căn hộ chung cư được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật?**

Tài sản tặng cho được xác định là căn hộ chung cư (bất động sản) nên để việc tặng cho tài sản của bà Bình cho con gái được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật thì theo Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015 bà Bình cần chú ý những điểm sau:

- Hợp đồng tặng cho giữa bà Bình và con gái phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký.

**-** Để hợp đồng tặng cho có hiệu lực, bà Bình phải thực hiện đăng ký quyền sử hữu căn hộ cho con gái. Việc tặng cho sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký.

 **69. Ông A là anh cả trong một gia đình có 4 anh chị em. Do mở cửa hàng kinh doanh trên thành phố, công việc rất bận rộn nên ông A không có thời gian về nhà chăm sóc mẹ. Ông A quyết định nhờ em út là ông C chăm sóc mẹ thay ông. Ông A đã thỏa thuận với ông C sẽ tặng cho ông C một căn nhà để ông C sinh sống với điều kiện ông C phải phụng dượng mẹ chu đáo. Tuy nhiên sau khi nhận nhà, ông C đã không thực hiện chăm sóc mẹ như đã thỏa thuận. Vậy trong trường hợp này, ông A có thể làm gì?**

Trong tình huống này, có thể thấy thỏa thuận giữa ông A và ông C là thỏa thuận tặng cho tài sản có điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 462 Bộ luật dân sự năm 2015: “*Bên tặng cho có thể yêu cầu bên được tặng cho thực hiện một hoặc nhiều nghĩa vụ trước hoặc sau khi tặng cho. Điều kiện tặng cho không được vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội*.”. Cụ thể, ông A đã yêu cầu sau khi nhận tài sản là căn nhà, ông C phải thực hiện nghĩa vụ chăm sóc cho mẹ.

Do đó, trong trường hợp ông C (người được tặng cho) sau khi nhận căn nhà (tài sản tặng cho) đã không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc mẹ như đã thỏa thuận thì căn cứ theo khoản 3 Điều 462 Bộ luật dân sự năm 2015, ông A (người tặng cho tài sản) có quyền đòi lại tài sản tặng cho là căn nhà và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu có

**70. Anh A là chủ doanh nghiệp sản xuất giầy dép. Do công việc kinh doanh thuận lợi, anh A có nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Nhưng vì thiếu vốn, anh A đã đến nhà anh B thỏa thuận mượn một số tiền và hứa sẽ trả lại toàn bộ số tiên trên cộng lãi trong vòng 3 tháng. Vậy, theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, thỏa thuận này giữa anh A và anh B được phân loại là hợp đồng gì?**

Căn cứ định nghĩa hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự thì: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*.”

Có thể thấy, thỏa thuận giữa anh A và anh B là anh B sẽ giao tiền (một loại tài sản theo quy định khoản 1 Điều 105 Bộ luật dân sự năm 2015) cho anh A trong thời hạn 03 tháng. Hết thời hạn trên, anh A đồng ý trả lại toàn bộ số tiền cộng với tiền lãi theo thỏa thuận. Như vậy đối chiếu với định nghĩa của Bộ luật dân sự, có thể thấy thỏa thuận giữa anh A và anh B thuộc hợp đồng vay tài sản.

Tuy nhiên việc anh A phải trả lãi cho anh B là theo thỏa thuận. Trong trường hợp không có thỏa thuận và pháp luật không có quy định về việc trả lãi thì anh A không cần trả lãi cho anh B nhưng đây vẫn được coi là hợp đồng vay tài sản.

 **71. Do có nhu cầu sửa chữa nhà cửa, anh A đã đến vay của anh B 100 triệu đồng với lãi suất 15%/năm và trong thời hạn 1 năm. Trong hợp đồng vay giữa anh A và anh B có một điều khoản quy định anh B sẽ phải tuân thủ các nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015. Vậy, các nghĩa vụ mà anh B phải tuân thủ là gì?**

Trong hợp đồng vay tài sản nói trên, anh B được xác định là bên cho vay. Vì vậy, theo Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015, anh B phải tuân thủ các nghĩa vụ sau:

- Giao tài sản cho bên vay đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận. Theo đó, anh B phải giao đầy đủ số tiền 100 triệu đồng vào thời điểm và địa điểm mà anh A và anh B đã thỏa thuận

- Bồi thường thiệt hại cho bên vay, nếu bên cho vay biết tài sản không bảo đảm chất lượng mà không báo cho bên vay biết, trừ trường hợp bên vay biết mà vẫn nhận tài sản đó. Theo đó, giả sử trong nếu số tiền 100 triệu đồng anh B cho anh A vay có tiền giả hoặc tiền không thể lưu hành mà anh B biết nhưng không báo cho anh A biết th́ anh B phải bồi thường thiệt hại cho anh A, trừ trường hợp anh B biết nhưng vẫn nhận số tiền trên.

- Ngoài ra, do đây thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và lãi suất nên anh B có nghĩa vụ không được yêu cầu anh A trả lại tài sản trước thời hạn,

 **72. Do phải chi trả tiền chữa bệnh cho chồng, chị M có vay hàng xóm là chị H số tiền là 50 triệu đồng và được chị H cho vay không lấy lãi. Chị H có yêu cầu chị M trong 1 năm phải hoàn trả lại số tiền này cho chị. Tuy nhiên, sau 01 năm vẫn chưa thấy chị M đến trả tiền, chị H liền đến nhà chị M đòi tiền nhưng chị M lấy lý do khi đến hạn không thấy chị H đến lấy tiền nên đã dùng số tiền trả nợ vào việc khác nên chưa có để trả. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự, lý do của chị M có phù hợp không?**

Việc chị M không trả tiền cho chị H khi đến hạn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo đó, bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Ngoài ra, việc chị M lấy lý do chị H không đến nhà chị M để lấy tiền làm lý do trốn tránh là không phù hợp, bởi theo quy định tại khoản 3 Điều 466 quy định địa điểm trả nợ là nơi cư trú hoặc nơi đặt trụ sở của bên cho vay, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

Như vậy, khi đến hạn trả nợ, chị M phải mang toàn bộ số tiền 50 triệu đồng đến nhà chị H để trả nợ. Đối với việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của chị M, chị H còn có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn (20% năm) trên số tiền 50 triệu đồng mà chị M chậm trả.

 **73. Anh B cho anh D vay số tiền 100 triệu đồng để xây nhà. Sau một thời gian, con anh B chuẩn bị lấy vợ nên anh B cần dùng số tiền trên để trang trải chi phí đám cưới nên có đến gặp anh D yêu cầu trả số tiền anh đã cho vay. Vậy, theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, việc anh B có quyền đòi lại số tiền này có phù hợp không, được biết trong thỏa thuận vay giữa anh B và anh D không xác định thời hạn trả nợ và không tính lãi?**

Do thỏa thuận vay giữa anh B và anh D không xác định thời hạn trả nợ và không tính lãi nên hợp đồng vay giữa anh B và anh D được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

Vì vậy, căn cứ theo khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Như vậy, việc anh B đòi lại số tiền từ anh D là phù hợp, tuy nhiên anh B cần phải thực hiện thông báo trước một thời gian hợp lý để anh D chuẩn bị số tiền trả nợ cho anh B trừ trường hợp trong thỏa thuận không yêu cầu phải thông báo trước hoặc đã xác định một thời hạn thông báo trước cụ thể.

**74. Anh D và chị T lập một hợp đồng cho vay, theo đó, anh D cho chị T vay 50.000.000 đồng với thời hạn vay là 3 năm. Tuy nhiên, trong hợp đồng có điều khoản cho phép anh D được quyền đòi lại tài sản bất kỳ lúc nào trong thời hạn vay. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, điều khoản trên có phù hợp hay không?**

 Do hợp đồng vay giữa anh D và chị T có xác định thời hạn vay nên hợp đồng này được xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn. Theo đó, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định việc thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn như sau:

- Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý.

- Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Có thể thấy, đối với trường hợp hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, chỉ cho phép bên cho vay (anh D) được đòi lại tài sản trước kỳ hạn nếu được bên vay (chị T) đồng ý; còn đối với trường hợp hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì chỉ cho phép bên vay có quyền trả tiền trước kỳ hạn mà không quy định cho phép bên cho vay có quyền này. Theo đó, điều khoản quy định cho phép anh H (bên cho vay) được quyền đòi lại tài sản bất kỳ lúc nào trong thời hạn vay là không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự.

 **75. Ông C vừa mua một máy gặt lúa để phục vụ cho vụ mùa sắp tới. Tuy nhiên, sau khi gặt xong lúa trên diện tích đất của mình, ông C muốn cho hàng xóm sử dụng máy gặt của mình để thu tiền. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, việc cho hàng xóm mượn máy gắt để thu tiền của ông C thuộc loại thỏa thuận nào?**

Có thể thấy, trong trường hợp này, ông C đã sử dụng tài sản của mình là chiếc máy gặt giao cho hàng xóm để sử dụng gặt lúa còn mình thu tiền trong thời gian hàng xóm sử dụng máy gặt.

Theo Điều 472 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng thuê tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho thuê giao tài sản cho bên thuê để sử dụng trong một thời hạn, bên thuê phải trả tiền thuê.

Như vậy, căn cứ trên quy định này, có thể xác định thỏa thuận của ông C được Bộ luật dân sự xác định là loại hợp đồng mượn tài sản

 **76. Anh X có thuê của ông K 2 con bò để thồ hàng trong thời gian 2 tháng. Trong thời gian này, 2 con bò anh X thuê có sinh ra 1 con bê. Sau khi hết thời hạn thuê, ông K có đến yêu cầu anh X mang 02 con bò và con bê mới sinh đến nhà ông để trả. Anh X không đồng ý vì cho rằng con bê này gia đình anh đã mất công chăm sóc, đỡ đẻ, đồng thời anh không đồng ý trả lại 2 con bò mà muốn tiếp tục sử dụng để thồ nốt số hàng, bù lại những ngày con bò sinh con không thể kéo hàng. Trong trường hợp này, theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, tranh chấp này phải giải quyết thế nào?**

Tranh chấp giữa anh X và ông K là tranh chấp về việc trả lại tài sản thuê là 02 con bò. Việc giải quyết tranh chấp này được căn cứ theo quy định tại Điều 482 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể:

Theo khoản 2 Điều 482 Bộ luật dân sự năm 2015 "Trường hợp tài sản thuê là động sản thì địa điểm trả lại tài sản thuê là nơi cư trú hoặc trụ sở của bên cho thuê, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.", như vậy, việc ông K yêu cầu anh X mang trả 02 con bò về nhà ông là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của ông K yêu cầu anh X mang trả cả con bê mới sinh trong thời gian thuê, căn cứ theo khoản 3 Điều 482: "Trường hợp tài sản thuê là gia súc thì bên thuê phải trả lại gia súc đã thuê và cả gia súc được sinh ra trong thời gian thuê, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Bên cho thuê phải thanh toán chi phí chăm sóc gia súc được sinh ra cho bên thuê.", có thể thấy, yêu cầu này của ông K cũng là có cơ sở. Tuy nhiên, ông K phải thanh toán cho anh X chi phí chăm sóc con bê này.

Đối với việc anh X không trả lại mà tiếp tục sử dụng 02 con bò sau khi hết thời gian thuê đề bù cho những ngày không thồ được hàng, đây được coi là việc chậm trả lại tài sản thuê. Theo đó, căn cứ theo khoản 4 Điều 482 quy định: "*Khi bên thuê chậm trả tài sản thuê thì bên cho thuê có quyền yêu cầu bên thuê trả lại tài sản thuê, trả tiền thuê trong thời gian chậm trả và phải bồi thường thiệt hại; bên thuê phải trả tiền phạt vi phạm do chậm trả tài sản thuê, nếu có thỏa thuận*.", ông K có quyền yêu cầu anh X trả lại 02 con bò, trả tiền thuê trong thời gian chậm trả đồng thời anh X còn có thể phải bồi thường thiệt hại cho ông K nếu có. Trường hợp có thỏa thuận về việc phạt vi phạm do chậm trả, ông K cũng có thể yêu cầu anh X trả số tiền phạt này.

Bên cạnh đó, anh X phải chịu rủi ro đối với 02 con bò này trong thời gian chậm trả (Khoản 5 Điều 482)

**77. Ông B có thỏa thuận thuê khoán cặp lợn của gia đình ông C trong thời gian 1 năm. Trong một năm này, cặp lợn gia đình ông B thuê đã để ra 10 con lợn con. Sau khi hết thời hạn thuê, ông C yêu cầu ông B phải đưa trả cặp lợn cho ông cùng với một nửa số lợn con. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu này của ông C có phù hợp hay không?**

Trước hết, do thỏa thuận giữa ông B và ông C được xác định là hợp đồng thuê khoán cặp lợn nên căn cứ theo Điều 483 Bộ luật dân sự năm 2015 về khái niệm hợp đồng thuê khoán tài sản được hiểu là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho thuê khoán giao tài sản cho bên thuê khoán để khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức thu được từ tài sản thuê khoán và bên thuê khoán có nghĩa vụ trả tiền thuê.

Qua khái niệm này, có thể thấy, ông B là bên thuê khoán được quyền khai thác cặp lợn đồng thời được hưởng hoa lợi, lợi tức thu được từ cặp lợn này. Như vậy, đàn lợn con này được coi là tài sản của ông B. Còn, đối với ông C (bên cho thuê khoán) chỉ được hưởng tiền thuê khoán và nhận lại tài sản đã cho thuê khoán.

 **78. Anh A có ký hợp đồng thuê khoán mảnh ao của ông X với thời hạn 5 năm để nuôi cá. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác, anh A đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê nên ông X định đơn phương chấm dứt hợp đồng này trước thời hạn. Vậy, theo quy định của pháp luật ông X cần lưu ý gì khi thực hiện việc đơn phương chấm dứt hợp đồng này?**

Do hợp đồng giữa ông X và anh A là hợp đồng thuê khoán tài sản nên để đơn phương chấm dứt hợp đồng này, ông X phải báo cho anh A biết trước một thời gian hợp lý; nếu thuê khoán theo thời vụ hoặc theo chu kỳ khai thác thì thời hạn báo trước phải phù hợp với thời vụ hoặc chu kỳ khai thác (khoản 1 Điều 492 Bộ luật dân sự năm 2015).

Ngoài ra, trường hợp anh A vi phạm nghĩa vụ nhưng việc khai thác mảnh ao là nguồn sống duy nhất của anh A và việc tiếp tục thuê khoán mảnh ao này không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của ông X thifoong X không được đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, anh A phải cam kết với ông X không được tiếp tục vi phạm hợp đồng và thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (khoản 2 Điều 492 Bộ luật dân sự năm 2015).

 **79. Ông A có nhu cầu sử dụng máy bơm nước để bơm nước vào bể chứa nhà mình nhưng do máy nhà ông bị hỏng. Ông A đã qua nhà ông B và được ông B cho phép dùng máy bơm của ông B để bơm nước vào bể chứa. Sau khi bơm nước đầy bể, ông A đã mang trả lại chiếc máy bơm cho ông B. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, việc sử dụng chiếc máy bơm của ông A được thực hiện dựa trên thỏa thuận nào nếu ông B không yêu cầu ông A trả tiền?**

Trong tình huống này, ông B đã giao tài sản của mình là chiếc máy bơm cho ông A sử dụng để bơm nước mà không phải trả tiền và sau khi hoàn thành mục đích sử dụng máy bơm để bơm nước vào bể, ông A đa mang trả lại chiếc máy bơm này cho ông B.

Qua đó, căn cứ theo quy định tại Điều 494 Bộ luật dân sự năm 2015 về hợp đồng mượn tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho mượn giao tài sản cho bên mượn để sử dụng trong một thời hạn mà không phải trả tiền, bên mượn phải trả lại tài sản đó khi hết thời hạn mượn hoặc mục đích mượn đã đạt được. Như vậy, có thể kết luận việc sử dụng chiếc máy bơm của ông A được căn cứ dựa trên hợp đồng mượn tài sản giữa ông A và ông B.

 **80. Ông B và ông C thỏa thuận với nhau rằng ông B sẽ cho ông C mượn chiếc ô tô của mình để đi du lịch. Trong hợp đồng, ông B có quy định ông C phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của bên mượn tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Vậy các nghĩa vụ mà ông C phải tuân thủ bao gồm những nghĩ vụ nào?**

 Trong hợp đồng mượn tài sản này, ông C là bên mượn tài sản (chiếc ô tô), như vậy theo Điều 496 Bộ luật dân sự năm 2015, ông C phải tuân thủ các nghĩa vụ sau:

- Giữ gìn, bảo quản chiếc ô tô, không được tự ý thay đổi tình trạng của chiếc ô tô; nếu chiếc ô tô này bị hư hỏng thông thường thì phải sửa chữa.

- Không được cho người khác mượn lại, nếu không có sự đồng ý của bên cho mượn.

- Trả lại chiếc ô tô đúng thời hạn; nếu không có thỏa thuận về thời hạn trả lại chiếc ô tô thì ông C phải trả lại tài sản ngay sau khi mục đích mượn đã đạt được (sau khi đi du lịch xong).

- Bồi thường thiệt hại, nếu làm mất, hư hỏng chiếc ô tô.

- Ông C phải chịu rủi ro đối với chiếc ô tô trong thời gian chậm trả.

 **81. Ông D và ông A thỏa thuận với nhau rằng ông D sẽ cho ông A mượn chiếc xe tải của mình để chở hàng. Trong hợp đồng, ông D có quy định ông A phải có trách nhiệm sửa chữa về những hao mòn của chiếc xe tải trong quá trình chở hàng. Ông A không đồng ý với quy định này vì cho rằng nó xâm phạm đến quyền lợi của mình. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, điều khoản trên có phù hợp hay không?**

 Trong hợp đồng trên ông A là bên mượn tài sản như vậy theo khoản 3 Điều 497 Bộ luật dân sự năm 2015 về quyền của bên mượn tài sản đã quy định bên mượn tài sản không phải chịu trách nhiệm về những hao mòn tự nhiên của tài sản mượn. Như vậy, việc ông D quy định ông A phải có trách nhiệm sửa chữa về những hao mòn của chiếc xe tải (tài sản mượn) trong quá trình ông A mượn sử dụng để chở hàng đã vi phạm quyền của ông A được quy định tại khoản 3 Điều 497.

**82. Ông C có mượn chiếc máy cày của ông A để cày trên diện tích đất của mình. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng, do chiếc máy cày phanh không ăn nên ông C đã lái chiếc máy cày đâm phải ụ đất làm ông C bị ngã gãy tay. Sau khi đến bệnh viện điều trị, ông C đã qua nhà ông A yêu cầu ông A bồi thường thiệt hại do mình bị ngã khi lái máy cày của ông A. Vậy yêu cầu này của ông C có phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 hay không?**

Việc ông C bị ngã gãy tay xuất phát từ việc chiếc máy cày ông C lái bị phanh không ăn khiến ông đâm phải ụ đất bị ngã. Như vậy có thể xác định thiệt hại đối với ông C xuất phát từ khuyết tật của chiếc máy cày ông C mượn của ông A. Như vậy, theo khoản 3 Điều 498 Bộ luật dân sự sẽ xuất hiện 02 trường hợp:

- Trường hợp 1: Ông A phải bồi thường thiệt hại cho ông C nếu ông A biết chiếc máy cày có khuyết tật (phanh không ăn) mà không báo cho ông C (bên mượn) biết

- Trường hợp 2: Ông A không phải bồi thường thiệt hại cho ông C nếu khuyết tật phanh không ăn của chiếc máy cày này ông C đã biết hoặc ông C phải biết về khuyết tật này.

 **83. Chị M đồng ý cho chị L mượn chiếc xe đạp để đi buôn hoa quả trên thành phố. Tuy nhiên, do không thỏa thuận thời hạn mượn trong bao lâu nên chị M băn khoăn không biết khi nào mình được quyền đòi lại chiếc xe đạp. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, thời điểm nào chị M được quyền đòi lại chiếc xe đạp?**

Do không có thỏa thuận về thời hạn mượn nên căn cứ theo khoản 1 và 2 Điều 499 Bộ luật dân sự năm 2015, chị M được quyền đòi lại chiếc xe đạp (tài sản cho mượn) trong các thời điểm sau:

 - Đòi lại tài sản ngay sau khi bên mượn đạt được mục đích

 - Nếu chị M có nhu cầu đột xuất và cấp bách cần sử dụng chiếc xe đạp thì được đòi lại chiếc xe đạp mặc dù chị L chưa đạt được mục đích (buôn hoa quả), nhưng phải báo trước một thời gian hợp lý.

- Đòi lại chiếc xe đạp khi chị L sử dụng không đúng mục đích buôn hoa quả, công dụng, không đúng cách thức đã thỏa thuận hoặc cho người khác mượn lại mà không có sự đồng ý của chị M.

**84. Ông A là chủ sử dụng đất mảnh đất rộng 200m2 tại ngoại ô thành phố Hà Nội. Ông A đã thỏa thuận cho thuê quyền sử dụng mảnh đất này cho công ty X để xây dựng trụ sở. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, thỏa thuận này của ông A được xác định là hợp đồng nào?**

Điều 500 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định hợp đồng về quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó người sử dụng đất chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất hoặc thực hiện quyền khác theo quy định của Luật đất đai cho bên kia; bên kia thực hiện quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng với người sử dụng đất.

 Như vậy, việc ông A thỏa thuận cho thuê quyền sử dụng mảnh đất của mình cho công ty X được xác định là hợp đồng về quyền sử dụng đất

 **85. Biết tin ông A đang rao bán mảnh đất 50m2, ông B đã sang thỏa thuận mua lại với giá 2 tỷ đồng. Ông A đã chấp thuận mức giá này và tiến hành thương lượng lập hợp đồng chuyển nhượng. Ông A đến luật sư tư vấn và được biết ngoài việc tuân theo các quy định trong Luật đất đai, hợp đồng giữa ông và ông B còn phải tuân thủ các quy định về nội dung hợp đồng của Bộ luật dân sự năm 2015. Ông A muốn biết Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vấn đề này như thế nào?**

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông A và ông B được Bộ luật dân sự năm 2015 xác định là hợp đồng về quyền sử dụng đất. Theo đó, nội dung của hợp đồng này phải tuân thủ các quy định tại Điều 501 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

- Quy định chung về hợp đồng và nội dung của hợp đồng thông dụng có liên quan trong Bộ luật này cũng được áp dụng với hợp đồng về quyền sử dụng đất, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Nội dung của hợp đồng về quyền sử dụng đất không được trái với quy định về mục đích sử dụng, thời hạn sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**86. Ông C và hai người bạn muốn mở một công ty sản xuất phụ tùng ô tô. Do đang sở hữu một mảnh đất ở vị trí đắc địa nhưng chưa sử dụng đến, ông C muốn góp vốn bằng quyền sử dụng đất mảnh đất này vào công ty. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, việc góp vốn của ông C được thực hiện theo hình thức và thủ tục nào?**

Việc ông C thỏa thuận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của mình vào công ty X được coi là một loại hợp đồng về quyền sử dụng đất. Do đó, việc góp vốn của ông C sẽ được thực hiện theo hình thức và thủ tục được quy định tại Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

- Về hình thức: Hợp đồng góp vốn giữa ông C và công ty phải được lập thành văn bản theo hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Về thủ tục góp vốn: Việc thực hiện hợp đồng góp vốn phải đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

  **87. Anh B do nhiều ngày làm việc căng thẳng nên bệnh đau lưng của anh bị tái phát. Anh B phải đến một cơ sở châm cứu để tiến hành trị liệu. Vậy giữa anh B và cơ sở trị liệu đã phát sinh quan hệ hợp đồng gì theo Bộ luật dân sự năm 2015?**

Việc anh B đến cơ sở châm cứu để tiến hành trị liệu bệnh đau lưng có thể được hiểu là cơ sở châm cứu đã thực hiện một công việc (châm cứu chữa bệnh) cho anh A và sau khi hoàn thành công việc này, anh A phải trả tiền cho cơ sở châm cứu.

 Theo đó, căn cứ theo Điều 513 Bộ luật dân sự quy định hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ, có thể thấy, quan hệ hợp đồng phát sinh giữa anh B và cơ sở trị liệu là quan hệ hợp đồng dịch vụ.

 **88. Do căn nhà gia đình anh A đang ở đã xuống cấp nghiêm trọng nên anh A đã ký hợp đồng sửa chữa nhà cửa với công ty X. Trong hợp đồng giữa anh A và công ty X có điều khoản quy định anh A có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Anh A không hiểu và có nhu cầu cần làm rõ mình có những quyền và nghĩa vụ cụ thể nào?**

Hợp đồng sửa chữa nhà giữa anh A và công ty X là một loại hợp đồng dịch vụ. Theo đó, công ty X (bên cung ứng dịch vụ) thực hiện công việc sửa chữa nhà cho anh A (bên sử dụng dịch vụ) và anh A phải thanh toán tiền sửa chữa nhà cho công ty X. Do đó, quy định về quyền và nghĩa vụ của anh A (bên sử dụng dịch vụ) được quy định tại Điều 516 và Điều 517 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ:

+ Anh A phải cung cấp cho công ty X thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc (việc sửa chữa nhà), nếu có thỏa thuận hoặc việc thực hiện công việc đòi hỏi.

+ Trả tiền dịch vụ (sửa chữa nhà) cho công ty X theo thỏa thuận.

- Về quyền:

+ Anh A có quyền yêu cầu công ty X thực hiện công việc theo đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và thỏa thuận khác.

+ Trường hợp công ty X vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thì anh A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

 **89. Công ty cung cấp thực phẩm X đã ký với xí nghiệp dệt may Y hợp đồng cung cấp thức ăn trưa cho công nhan của xí nghiệp Y với thời hạn 1 năm. Tuy nhiên, sau 6 tháng thực hiện hợp đồng, xí nghiệp Y phát hiện công ty X không trực tiếp thực hiện việc cung cấp thức ăn mà giao cho một cửa hàng thức ăn nhanh thực hiện mà không thông báo cho mình. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, hành vi này của công ty X có vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hay không?**

Trước hết, hợp đồng cung cấp thức ăn trưa giữa công ty X và xí nghiệp Y là hợp đồng dịch vụ, trong đó công ty X là bên cung ứng dịch vụ còn xí nghiệp Y là bên sử dụng dịch vụ.

 Do đó, việc công ty X (bên cung ứng dịch vụ) giao việc thực hiện cung cấp thực ăn trưa cho công nhân xí nghiệp Y, mà không thông báo hay có sự đồng ý của xí nghiệp Y (bên sử dụng dịch vụ) đã vi phạm nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 517 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể: “*Không được giao cho người khác thực hiện thay công việc nếu không có sự đồng ý của bên sử dụng dịch vụ*.”

 **90. Anh A được thuê lắp thiết bị điện cho ngôi nhà của anh C. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện công việc, anh A phát hiện căn nhà anh C có dấu hiệu tường bị thấm nước nếu tiếp tục lắp các hệ thống điện sẽ gây ra cháy chập gây mất an toàn. Anh A đã điện thoại liên lạc với anh C để hỏi ý kiến anh C về việc xử lý chống thấm nước trước khi lắp các thiết bị điện nhưng không liên lạc được. Vậy trong trường hợp này, anh C có quyền xử lý chống thấm nước trước khi lắp thiết bị điện hay không?**

Trong trường hợp này quan hệ giữa anh A và anh C là quan hệ hợp đồng dịch vụ, theo đó, anh A được anh C thuê thực hiện một công việc là lắp thiết bị điện. Việc anh A phát hiện việc tường nhà anh C bị thấm nước phải tiến hành chống thấm trước khi lắp thiệt bị điện đã vượt quá điều kiện dịch vụ ban đầu (chỉ lắp hệ thống điện).

Theo khoản 2 Điều 518 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định bên cung cấp dịch vụ có quyền được thay đổi điều kiện dịch vụ vì lợi ích của bên sử dụng dịch vụ mà không nhất thiết phải chờ ý kiến của bên sử dụng dịch vụ, nếu việc chờ ý kiến sẽ gây thiệt hại cho bên sử dụng dịch vụ, nhưng phải báo ngay cho bên sử dụng dịch vụ.

Đối chiếu với tình huống này, việc không xử lý chống thấm nước sẽ ảnh hưởng an toàn đối với hệ thống điện nhà anh C, gây chập cháy, làm thiệt hại cho anh C nên trong trường hợp này tuy không có sự đồng ý của anh C, anh A vẫn có quyền xử lý chống thấm nước trước khi tiếp tục thực hiện công việc nhưng anh A phải tiến hành thông báo ngay cho bên sử dụng dịch vụ (anh C)

**91. Anh A thuê công ty xây dựng X thực hiện việc xây dựng ngôi nhà 4 tầng theo thiết kế đã thỏa thuận. Tuy nhiên, sau khi hoàn thành việc xây dựng, công ty X yêu cầu anh A thanh toán tiền xây dựng mới phát hiện trong hợp đồng không quy định cụ thể việc thanh toán mà chỉ quy định việc thanh toán tuân theo các quy định của pháp luật. Vậy trong trường hợp này, việc thanh toán anh A phải tuân theo các quy định nào?**

Do thỏa thuận xây dựng ngồi nhà giữa anh A và công ty xây dựng X được Bộ luật dân sự năm 2015 xác định là hợp đồng dịch vụ nên việc thanh toán tiền dịch vụ giữa anh A và công ty X phải tuân thủ theo quy định tại Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

- Bên sử dụng dịch vụ (anh A) phải trả tiền dịch vụ theo thỏa thuận.

- Khi giao kết hợp đồng, nếu không có thỏa thuận về giá dịch vụ, phương pháp xác định giá dịch vụ và không có bất kỳ chỉ dẫn nào khác về giá dịch vụ thì giá dịch vụ được xác định căn cứ vào giá thị trường của dịch vụ cùng loại tại thời điểm và địa điểm giao kết hợp đồng.

- Bên sử dụng dịch vụ (anh A) phải trả tiền dịch vụ tại địa điểm thực hiện công việc khi hoàn thành dịch vụ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

- Trường hợp dịch vụ được cung ứng (việc xây dựng ngôi nhà 4 tầng) không đạt được như thỏa thuận hoặc công việc không được hoàn thành đúng thời hạn thì bên sử dụng dịch vụ (anh A) có quyền giảm tiền dịch vụ và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

**92. Do vừa sinh con sức khỏe còn yếu chị A muốn thuê chị B thực hiện công việc nội trợ thay chị trong khoản thời gian 1 năm. Sau khi chị B đồng ý với thỏa thuận này và làm được khoản 3 tháng, chị A thấy chị B thường xuyên lau dọn nhà cửa còn để lại vết bẩn, nấu ăn không đảm bảo vệ sinh… nên có ý muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, để đơn phương chấm dứt hợp đồng này, chị A cần phải làm gì?**

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, việc chị A thuê chị B thực hiện công việc nội trợ thay chị trong thời gian 01 năm được coi là hợp đồng dịch vụ, trong đó, chị A là người sử dụng dịch vụ còn chị B là người cung cấp dịch vụ.

Theo khoản 1 Điều 520 Bộ luật dân sự năm 2015 về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng dịch vụ quy định: “*1. Trường hợp việc tiếp tục thực hiện công việc không có lợi cho bên sử dụng dịch vụ thì bên sử dụng dịch vụ có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, nhưng phải báo cho bên cung ứng dịch vụ biết trước một thời gian hợp lý; bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền công theo phần dịch vụ mà bên cung ứng dịch vụ đã thực hiện và bồi thường thiệt hại*.”.

Căn cứ theo quy định này, nếu chị A tiếp tục để chị B thực hiện công việc nội trợ gia đình thì không có lợi cho chị A, do chị B không đảm bảo chất lượng công việc (lau dọn nhà cửa còn vết bẩn, nấu ăn không đảm bảo vệ sinh) nên chị A có đủ điều kiện để đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, để đơn phương chấm dứt hợp đồng, chị A phải thông báo cho chị B biết trước một thời gian hợp lý, đồng thời phải trả tiền công cho chị B trong khoảng thời gian chị B đã thực hiện công việc nội trợ theo yêu cầu và bồi thường thiệt hại cho chị B nếu có thiệt hại xảy ra xuất phát từ việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng của chị.

**93. Xin hãy cho biết khái niệm hợp đồng vận chuyển hành khách được quy định như thế nào trong Bộ luật dân sự năm 2015?**

 Hợp đồng vận chuyển hành khách được quy định tại Điều 522 Bộ luật dân sự năm 2015, theo đó, hợp đồng vận chuyển hành khách là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên vận chuyển chuyên chở hành khách, hành lý đến địa điểm đã định theo thỏa thuận, hành khách phải thanh toán cước phí vận chuyển.

 **94. Chị M định tự mình thực hiện một chuyến du lịch từ Hà Nội vào Cửa Lò. Chị đã đặt mua vé xe của hãng X với địa điểm xuất phát từ Bến xe Mỹ Đình. Tuy nhiên do là lần đầu tiên đi du lịch một mình nên chị M khá lo lắng việc trong hành trình có gì rủi ro. Chị M muốn biết theo quy định của Bộ luật dân sự, công ty X phải có trách nhiệm hay nghĩa vụ gì đối với chị?**

Theo Điều 524 Bộ luật dân sự năm 2015 chị M là hành khách của công ty X và công ty X là bên vận chuyển trong hợp đồng vận chuyển hành khách. Công ty X phải trách nhiệm hay nghĩa vụ của đối với chị M như sau:

- Chuyên chở hành khách từ địa điểm xuất phát đến đúng địa điểm, đến đúng giờ, bằng phương tiện đã thỏa thuận một cách an toàn, theo lộ trình; bảo đảm đủ chỗ cho hành khách và không chuyên chở vượt quá trọng tải.

- Mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hành khách theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm thời gian xuất phát đã được thông báo hoặc theo thỏa thuận.

- Chuyên chở hành lý và trả lại cho hành khách hoặc người có quyền nhận hành lý tại địa điểm thỏa thuận theo đúng thời gian, lộ trình.

- Hoàn trả cho hành khách cước phí vận chuyển theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

 **95. Anh A là chủ hãng xe khách chạy tuyến Hà Nội – Hải Phòng. Khi đón khách tại bến xe Gia Lâm, có hành khách sau khi mua vé xe có dấu hiệu say rượu mất kiểm soát, thường xuyên chửi bới, đe dọa đánh các hành khách xung quanh. Vậy trong trường hợp này, anh A có quyền từ chối chuyên chở hành khách này hay không?**

Việc từ chối chuyên trở hành khách được quy địnhtại điểm a khoản 2 Điều 525 Bộ luật dân sự năm 2015 như sau:

 “*Hành khách không chấp hành quy định của bên vận chuyển hoặc có hành vi làm mất trật tự công cộng, cản trở công việc của bên vận chuyển, đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác hoặc có hành vi khác không bảo đảm an toàn trong hành trình*”.

Trong trường hợp này, hành khách sau khi mua vé xe có dấu hiệu say rượu, chửi bới, dọa đánh người khác. Đối chiếu quy định nêu trên anh A (bên vận chuyển) có quyền từ chối chuyên chở hành khách, đồng thời hành khách này không được trả lại cước phí vận chuyển và phải chịu phạt vi phạm, nếu điều lệ vận chuyển của anh A có quy định.

 **96. Nhân dịp nghỉ lễ anh A muốn về quê để thăm bố mẹ nên đã ra bến xe để bắt xe về quê. Anh A đã mua vé xe của công ty vận chuyển hành khách X thì đọc được thông tin khi tham gia chuyến xe, anh A sẽ được hưởng các quyền và phải chấp hành các nghĩa vụ mà pháp luật quy định. Vậy, anh A có các quyền và nghĩa vụ nào?**

 Việc anh A đã mua vé xe của công ty vận chuyển hành khách X để lên xe về quê đã thể hiện anh A và công ty X là hai bên trong quan hệ hợp đồng vận chuyển hành khách, trong đó anh A là hành khách, còn công ty X là bên vận chuyển. Theo đó, do là hành khách nên anh A có các nghĩa vụ và quyền được quy định tại Điều 526 và Điều 527 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

*- Về nghĩa vụ của hành khách:*

 + Trả đủ cước phí vận chuyển hành khách, cước phí vận chuyển hành lý vượt quá mức quy định và tự bảo quản hành lý mang theo người.

 + Có mặt tại điểm xuất phát đúng thời gian đã thỏa thuận.

 + Tôn trọng, chấp hành đúng quy định của bên vận chuyển và quy định khác về bảo đảm an toàn giao thông.

*- Về quyền của hành khách:*

 + Yêu cầu được chuyên chở đúng bằng phương tiện vận chuyển và giá trị theo cước phí vận chuyển với lộ trình đã thỏa thuận.

 + Được miễn cước phí vận chuyển đối với hành lý ký gửi và hành lý xách tay trong hạn mức theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

 + Yêu cầu thanh toán chi phí phát sinh hoặc bồi thường thiệt hại, nếu bên vận chuyển có lỗi trong việc không chuyên chở đúng thời hạn, địa điểm đã thỏa thuận.

 + Nhận lại toàn bộ hoặc một phần cước phí vận chuyển trong trường hợp do tình trạng sức khỏe của anh A mà bên vận chuyển (công ty X) thấy rõ rằng việc vận chuyển sẽ gây nguy hiểm cho chính anh A hoặc người khác trong hành trình; để ngăn ngừa dịch bệnh lây lan và trường hợp khác do pháp luật quy định hoặc theo thỏa thuận.

 + Nhận hành lý tại địa điểm đã thỏa thuận theo đúng thời gian, lộ trình.

 + Yêu cầu tạm dừng hành trình trong thời hạn và theo thủ tục do pháp luật quy định.

 **97. Anh A định thành lập công ty vận tải Tốc hành chuyên vận chuyển hành khách trên tuyến đường Hà Nội – Lào Cai. Do đây là tuyến đường thường xảy ra tai nạn giao thông nên anh A rất quan tâm đến các quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong việc vận chuyển hành khách. Vậy, trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng vận chuyển hành khách được quy định như thế nào trong Bộ luật dân sự năm 2015?**

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng vận chuyền hành khách được Bộ luật dân sự năm 2015 quy định tại Điều 528 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

- Trường hợp tính mạng, sức khỏe và hành lý của hành khách bị thiệt hại thì bên vận chuyển phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Bên vận chuyển không phải bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và hành lý của hành khách nếu thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của hành khách, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Trường hợp hành khách vi phạm điều kiện vận chuyển đã thỏa thuận, quy định của điều lệ vận chuyển mà gây thiệt hại cho bên vận chuyển hoặc người thứ ba thì phải bồi thường.

**98. Hợp đồng vận chuyển tài sản được quy định như thế nào trong Bộ luật dân sự năm 2015?**

Điều 530 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định hợp đồng vận chuyển tài sảnlà sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên vận chuyển có nghĩa vụ chuyển tài sản đến địa điểm đã định theo thỏa thuận và giao tài sản đó cho người có quyền nhận, bên thuê vận chuyển có nghĩa vụ trả cước phí vận chuyển.

**99. Chị B hẹn hãng xe Hải Âu vào 5 giờ sáng để gửi một kiện hàng cho người thân ở Hải Phòng. Tuy nhiên, đến 5h30 chị B mới đến và giao hàng để chuyển, hãng xe Hải Âu yêu cầu chị B thanh toán thêm tiền do chị B giao hàng trễ hẹn. Chị B không đồng ý với yêu cầu này vì lý do khách quan bị kẹt xe. Vậy, trong trường hợp này, hãng xe Hải Âu có quyền yêu cầu chị B thanh toán thêm tiền hay không?**

Trong quan hệ giữa chị B và hãng xe Hải Âu có thể thấy, chị B là bên thuê vận chuyển tài sản nên chị B có nghĩa giao tài sản cho bên vận chuyển (hãng xe Hải Âu) đúng thời hạn, địa điểm và đóng gói theo đúng quy cách đã thỏa thuận; phải chịu chi phí xếp, dỡ tài sản lên phương tiện vận chuyển, trừ trường hợp có thỏa thuận khác (Khoản 1 Điều 532 Bộ luật dân sự năm 2015). Như vậy, có thể thấy việc chị B giao hàng trễ hẹn đã vi phạm về nghĩa vụ giao hàng.

Về yêu cầu thanh toán thêm tiền do chị B giao hàng trễ hẹn, căn cứ theo khoản 2 Điều 532 Bộ luật dân sự thì trường hợp bên thuê vận chuyển giao tài sản không đúng thời hạn, địa điểm đã thỏa thuận thì phải thanh toán chi phí chờ đợi và tiền vận chuyển tài sản đến địa điểm đã thỏa thuận trong hợp đồng cho bên vận chuyển, có thể thấy, yêu cầu thanh toán thêm tiền do phải chờ đợi của hãng xe Hải Âu là có cơ sở, đúng theo quy định của pháp luật do chị B đã giao hẹn chậm 30 phút so với thỏa thuận.

 **100. Chị A là làm việc tại Hà Nội. Nghe tin mẹ chị bị ốm nặng nhưng do hoàn cảnh ở xa, không thu xếp được thời gian để về chị A liền nhờ hãng xe Z gửi thuốc về cho mẹ chị ở quê. Do là lần đầu gửi đồ qua xe khách nên chị A băn khoăn không biết trách nhiệm, nghĩa vụ của hãng xe Z đối với chị. Vậy, theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, nghĩa vụ của hãng xe Z đối với chị A được quy định như thế nào?**

Trong tình huống trên, quan hệ của chị A với hãng xe Z là quan hệ hợp đồng vận chuyển tài sản, trong đó chị A là bên thuê vận chuyển còn hãng xe Z là bên vận chuyển. Theo đó, nghĩa vụ của hãng xe Z đối với chị A được quy định tại Điều 534 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

- Bảo đảm vận chuyển tài sản đầy đủ, an toàn đến địa điểm đã định, theo đúng thời hạn.

- Giao tài sản cho người có quyền nhận.

- Chịu chi phí liên quan đến việc chuyên chở tài sản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

- Mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

- Bồi thường thiệt hại cho chị A trong trường hợp bên vận chuyển để mất, hư hỏng tài sản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

 **101. Hãng xe Z nhận được yêu cầu của ông A vận chuyển một 100 tấn gạo tới cửa khẩu Lạng Sơn. Tuy nhiên, sau khi nhận hàng, nhân viên của hãng xe Z phát hiện đây không phải là gạo như đã thỏa thuận mà là hạt đỗ. Vậy trong trường hợp này, hãng xe Z có quyền từ chối vận chuyển hay không?**

 Có thể thấy, theo thỏa thuận ban đầu, hãng xe Z nhận chuyển cho ông A 100 tấn gạo tới cửa khẩu Lạng Sơn, tuy nhiên, hàng hóa thực tế lại là hạt đỗ. Như vậy, căn cứ theo khoản 2 Điều 535 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bên vận chuyển có quyền từ chối vận chuyển tài sản không đúng với loại tài sản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Theo đó, hãng xe Z có quyền từ chối vận chuyển số đậu mà ông A đã gửi cho hãng xe.

 **102.Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, bên thuê vận chuyển có nghĩa vụ gì?**

Nghĩa vụ của bên thuê vận chuyển được quy định tại Điều 536 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

- Bên thuê vận chuyển phải trả đủ tiền cước phí vận chuyển cho bên vận chuyển theo đúng thời hạn, phương thức đã thỏa thuận.

- Bên thuê vận chuyển phải cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến tài sản vận chuyển để bảo đảm an toàn cho tài sản vận chuyển.

- Bên thuê vận chuyển phải trông coi tài sản trên đường vận chuyển, nếu có thỏa thuận. Trường hợp bên thuê vận chuyển trông coi tài sản mà tài sản bị mất, hư hỏng thì không được bồi thường.

**103. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, trong hợp đồng vận chuyển tài sản, bên nhận tài sản có các quyền và nghĩa vụ nào?**

Tại Điều 539 và Điều 540 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định quyền và nghĩa vụ của bên nhận tài sản trong hợp đồng vận chuyển tài sản như sau:

***\* Nghĩa vụ của bên nhận tài sản gồm:***

- Xuất trình cho bên vận chuyển vận đơn hoặc chứng từ vận chuyển tương đương khác và nhận tài sản đúng thời hạn, địa điểm đã thỏa thuận.

- Chịu chi phí xếp, dỡ tài sản vận chuyển, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Thanh toán chi phí hợp lý phát sinh do việc chậm tiếp nhận tài sản.

- Trường hợp bên nhận tài sản là người thứ ba được bên thuê vận chuyển chỉ định thì phải thông báo cho bên thuê vận chuyển về việc nhận tài sản và thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của bên thuê vận chuyển.

***\*Quyền của bên nhận tài sản gồm:***

- Kiểm tra số lượng, chất lượng tài sản được vận chuyển đến.

- Nhận tài sản được vận chuyển đến.

- Yêu cầu bên vận chuyển thanh toán chi phí hợp lý phát sinh do phải chờ nhận tài sản nếu bên vận chuyển chậm giao.

- Yêu cầu bên vận chuyển bồi thường thiệt hại do tài sản bị mất, hư hỏng.

**104. Anh A vừa thành lập công ty vận tải Tín Tâm chuyên nhận vận chuyển các loại hàng hóa, tài sản từ Nam Định đến Hà Nội và ngược lại. Do lần đầu thành lập còn thiếu kinh nghiệm nên anh đã đến nhờ tư vấn để biết trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong việc vận chuyển hàng hóa, tài sản. Vậy Bộ luật dân sự năm 2015 quy định như thế nào về trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng vận chuyển tài sản?**

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng vận chuyển tài sản được Bộ luật dân sự năm 2015 quy định tại Điều 541, cụ thể như sau:

- Bên vận chuyển phải bồi thường thiệt hại cho bên thuê vận chuyển nếu để tài sản bị mất hoặc hư hỏng, trừ trường hợp bên thuê vận chuyển trông coi tài sản mà tài sản bị mất, hư hỏng thì không được bồi thường.

- Bên thuê vận chuyển phải bồi thường thiệt hại cho bên vận chuyển và người thứ ba về thiệt hại do tài sản vận chuyển có tính chất nguy hiểm, độc hại mà không có biện pháp đóng gói, bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển.

- Trường hợp bất khả kháng dẫn đến tài sản vận chuyển bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại trong quá trình vận chuyển thì bên vận chuyển không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

**105. Xin hãy cho biết theo quy định của pháp luật hợp đồng gia công được hiểu như thế nào?**

Khái niệm hợp đồng gia công được quy định tại Điều 542 Bộ luật dân sự năm 2015, theo đó: “Hợp đồng gia công là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên nhận gia công thực hiện công việc để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt gia công, bên đặt gia công nhận sản phẩm và trả tiền công.”

**106. Xin hãy cho biết quyền và nghĩa vụ của bên đặt gia công được pháp luật dân sự quy định như thế nào?**

Theo Điều 544 và Điều 545 Bộ luật dân sự năm 2016 quy định về quyền và nghĩa vụ của bên đặt gia công như sau:

 ***\* Quyền của bên đặt gia công gồm:***

- Nhận sản phẩm gia công theo đúng số lượng, chất lượng, phương thức, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.

- Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại khi bên nhận gia công vi phạm nghiêm trọng hợp đồng.

- Trường hợp sản phẩm không bảo đảm chất lượng mà bên đặt gia công đồng ý nhận sản phẩm và yêu cầu sửa chữa nhưng bên nhận gia công không thể sửa chữa được trong thời hạn thỏa thuận thì bên đặt gia công có quyền hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

 ***\* Nghĩa vụ của bên đặt gia công gồm:***

- Cung cấp nguyên vật liệu theo đúng số lượng, chất lượng, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận cho bên nhận gia công; cung cấp giấy tờ cần thiết liên quan đến việc gia công.

- Chỉ dẫn cho bên nhận gia công thực hiện hợp đồng.

- Trả tiền công theo đúng thỏa thuận.

**107.** **Xin hãy cho biết quyền và nghĩa vụ của bên nhận gia công được pháp luật dân sự quy định như thế nào?**

 Theo Điều 546, 547 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về quyền và nghĩa vụ của bên nhận gia công như sau:

***\* Quyền của bên nhận gia công gồm:***

- Yêu cầu bên đặt gia công giao nguyên vật liệu đúng chất lượng, số lượng, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.

- Từ chối sự chỉ dẫn không hợp lý của bên đặt gia công trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu thấy chỉ dẫn đó có thể làm giảm chất lượng sản phẩm, nhưng phải báo ngay cho bên đặt gia công.

- Yêu cầu bên đặt gia công trả đủ tiền công theo đúng thời hạn và phương thức đã thỏa thuận

**\* Nghĩa vụ của bên nhận gia công gồm:**

- Bảo quản nguyên vật liệu do bên đặt gia công cung cấp.

- Báo cho bên đặt gia công biết để đổi nguyên vật liệu khác, nếu nguyên vật liệu không bảo đảm chất lượng; từ chối thực hiện gia công, nếu biết hoặc phải biết việc sử dụng nguyên vật liệu có thể tạo ra sản phẩm nguy hại cho xã hội.

- Giao sản phẩm cho bên đặt gia công đúng số lượng, chất lượng, phương thức, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.

- Giữ bí mật thông tin về quy trình gia công và sản phẩm tạo ra.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, trừ trường hợp sản phẩm không bảo đảm chất lượng do nguyên vật liệu mà bên đặt gia công cung cấp hoặc do sự chỉ dẫn không hợp lý của bên đặt gia công.

- Hoàn trả nguyên vật liệu còn lại cho bên đặt gia công sau khi hoàn thành hợp đồng.

 **108. Cơ sở sản xuất A có ký hợp đồng với xưởng may của chị C gia công 1000 sản phẩm may mặc trong vòng 1 tháng, tuy nhiên hết 1 tháng xưởng may của chị C không kịp giao đủ số hàng theo yêu cầu của cơ sở sản xuất A. Trong trường hợp này pháp luật quy định như thế nào về việc chậm giao sản phẩm gia công?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 550 Bộ luật dân sựthìtrường hợp bên nhận gia công – xưởng may của chị C chậm giao sản phẩm thì bên đặt gia công – cơ sở sản xuất A có thể gia hạn; nếu hết thời hạn đó mà xưởng may của chị C vẫn chưa hoàn thành công việc thì – cơ sở sản xuất A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu xưởng may của chị C bồi thường thiệt hại.

 **109. Xin hãy cho biết pháp luật quy định như thế nào về việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công?**

Theo Điều 551 Bộ luật dân sự năm 2015 việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công được quy định như sau:

1. Mỗi bên đều có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công, nếu việc tiếp tục thực hiện hợp đồng không mang lại lợi ích cho mình, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác, nhưng phải báo cho bên kia biết trước một thời gian hợp lý.

2. Bên đặt gia công đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thì phải trả tiền công tương ứng với công việc đã làm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Bên nhận gia công đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thì không được trả tiền công, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng mà gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường.

 **110. Khái niệm hợp đồng gửi giữ tài sản?**

 Hợp đồng gửi giữ tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên giữ nhận tài sản của bên gửi để bảo quản và trả lại chính tài sản đó cho bên gửi khi hết thời hạn hợp đồng, bên gửi phải trả tiền công cho bên giữ, trừ trường hợp gửi giữ không phải trả tiền công.

 **110. Chị N đến siêu thị để mua đồ, do không được mang theo đồ vào siêu thị nên chị N có gửi túi trong đó có máy tính bảng vào tủ gửi đổ của siêu thị. Tuy nhiên sau kho mua hàng và ra lấy lại đồ từ nhân viên, chị N phát hiện bị mất máy tính bảng. Xin hỏi chị N có quyền gì trong trường hợp này?**

Theo Điều 556 Bộ luật dân sự năm 2015 bên gửi tài sản có các quyền sau:

- Yêu cầu lấy lại tài sản bất cứ lúc nào, nếu hợp đồng gửi giữ không xác định thời hạn, nhưng phải báo trước cho bên giữ một thời gian hợp lý.

 - Yêu cầu bồi thường thiệt hại, nếu bên giữ làm mất, hư hỏng tài sản gửi giữ, trừ trường hợp bất khả kháng.

Như vậy trong trường hợp này, chị N có quyền yêu cầu siêu thị bội thường thiệt hại do bị mất đồ khi gửi ở tủ đồ của siêu thị.

 **111. Xin hãy cho biết quyền và nghĩa vụ của bên giữ tài sản được pháp luật quy định như thế nào?**

Theo Điều 557, 558 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ và quyền của bên giữ tài sản như sau:

***\* Nghĩa vụ của bên giữ tài sản gồm:***

- Bảo quản tài sản theo đúng thỏa thuận, trả lại tài sản cho bên gửi theo đúng tình trạng như khi nhận giữ.

- Chỉ được thay đổi cách bảo quản tài sản nếu việc thay đổi là cần thiết nhằm bảo quản tốt hơn tài sản đó, nhưng phải báo ngay cho bên gửi biết về việc thay đổi.

- Thông báo kịp thời cho bên gửi biết về nguy cơ hư hỏng, tiêu hủy tài sản do tính chất của tài sản đó và yêu cầu bên gửi cho biết cách giải quyết trong một thời hạn; nếu hết thời hạn đó mà bên gửi không trả lời thì bên giữ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo quản và yêu cầu bên gửi thanh toán chi phí.

- Phải bồi thường thiệt hại, nếu làm mất, hư hỏng tài sản gửi giữ, trừ trường hợp bất khả kháng.

***\* Quyền của bên giữ tài sản gồm:***

- Yêu cầu bên gửi trả tiền công theo thỏa thuận.

- Yêu cầu bên gửi trả chi phí hợp lý để bảo quản tài sản trong trường hợp gửi không trả tiền công.

- Yêu cầu bên gửi nhận lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên gửi một thời gian hợp lý trong trường hợp gửi giữ không xác định thời hạn.

- Bán tài sản gửi giữ có nguy cơ bị hư hỏng hoặc tiêu hủy nhằm bảo đảm lợi ích cho bên gửi, báo việc đó cho bên gửi và trả cho bên gửi khoản tiền thu được do bán tài sản, sau khi trừ chi phí hợp lý để bán tài sản.

 **112. Xin hãy cho biết pháp luật quy định như thế nào về việc trả lại tài sản gửi giữ?**

Theo Điều 559 Bộ luật dân sự năm 2015 việc trả lại tài sản gửi giữ được quy định như sau:

1. Bên giữ phải trả lại chính tài sản đã nhận và cả hoa lợi nếu có, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Địa điểm trả tài sản gửi giữ là nơi gửi; nếu bên gửi yêu cầu trả tài sản ở địa điểm khác thì phải chịu chi phí vận chuyển đến nơi đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Bên giữ phải trả lại tài sản đúng thời hạn và chỉ có quyền yêu cầu bên gửi lấy lại tài sản trước thời hạn, nếu có lý do chính đáng.

**113. Hợp đồng ủy quyền là gì?**

Theo Điều 562 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“*Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền, bên ủy quyền chỉ phải trả thù lao nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

**114. Tôi và chồng tôi đã làm hợp đồng ủy quyền cho em tôi dùng quyền sử dụng đất để làm thủ tục vay tiền ngân hàng. Tuy nhiên vì lý do sức khỏe nên em gái tôi muốn ủy quyền lại cho chồng mình. Em gái tôi muốn biết mình có được ủy quyền lại trong trường hợp này hay không?**

Theo định tại Điều 564 Bộ luật dân sự năm 2015 em gái bạn vì lý do sức khỏe muốn ủy quyền lại cho chồng mình làm thủ tục vay tiền ngân hàng, để được ủy quyền lại trong trường hợp này thì em gái bạn cần có sự đồng ý của bạn và chồng bạn (bên ủy quyền);

Đồng thời việc ủy quyền lại không được vượt quá phạm vi ủy quyền ban đầu. Hình thức hợp đồng ủy quyền lại phải phù hợp với hình thức ủy quyền ban đầu.

**115. H có nhờ Q làm giấy tờ sổ đỏ cho mảnh đất mà H và vợ đứng tên mua. H đã trao giấy tờ mua bán viết tay (toàn bộ bản chính) và viết tay một giấy uỷ quyền với nội dung trao toàn quyền cho Q, không có công chứng của cơ quan nhà nước. Và không có giấy biên nhận trao giấy tờ. Q đem giấy tờ này đi cầm cố để lấy tiền sau đó bỏ trốn. Xin hỏi giấy uỷ quyền tôi đã làm như vậy, có giá trị trước pháp luật để Q có thể đi cầm cố được không? Pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 565, Bộ luật Dân sự 2015 thì bên được uỷ quyền có các nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện công việc theo ủy quyền và báo cho bên ủy quyền về việc thực hiện công việc đó.

- Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện ủy quyền về thời hạn, phạm vi ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi ủy quyền.

- Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc ủy quyền.

- Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện việc ủy quyền.

- Giao lại cho bên ủy quyền tài sản đã nhận và những lợi ích thu được trong khi thực hiện việc ủy quyền theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

- Bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 565 Bộ luật dân sự 2015.”

Như vậy, Q- người được ủy quyền phải thực hiện theo ủy quyền, nghĩa là phải dùng giấy tờ tài liệu để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất (sổ đỏ) cho H. Hành vi dùng tài liệu, giấy tờ về đất đai của bạn đi cầm cố để lấy tiền rồi bỏ trốn là hành vi vi phạm pháp luật.

Việc cầm cố giấy tờ không được phép của người được ủy quyền trong trường hợp nêu trên là trái pháp luật. H có thể gửi đơn yêu cầu tòa án quyết định việc người bạn của anh vi phạm hợp đồng, phải trả lại giấy tờ, tài liệu cho anh. Trường hợp người bạn anh cố tình bỏ trốn là có dấu hiệu lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, H có thể tố cáo hành vi vi phạm của người này tới cơ quan công an để được giải quyết, lấy lại giấy tờ đã bị đem cầm cố trái phép.

**116. Xin hãy cho biết bên ủy quyền có những quyền và nghĩa vụ nào theo quy định của pháp luật dân sự?**

Theo Điều 567, 568 Bộ luật dân sự năm 2016 quy định về quyền và nghĩa vụ của bên ủy quyền như sau:

***\* Nghĩa vụ của bên ủy quyền***

- Cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để bên được ủy quyền thực hiện công việc.

- Chịu trách nhiệm về cam kết do bên được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

- Thanh toán chi phí hợp lý mà bên được ủy quyền đã bỏ ra để thực hiện công việc được ủy quyền; trả thù lao cho bên được ủy quyền, nếu có thỏa thuận về việc trả thù lao.

***\* Quyền của bên ủy quyền***

- Yêu cầu bên được ủy quyền thông báo đầy đủ về việc thực hiện công việc ủy quyền.

- Yêu cầu bên được ủy quyền giao lại tài sản, lợi ích thu được từ việc thực hiện công việc ủy quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

- Được bồi thường thiệt hại, nếu bên được ủy quyền vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 565 của Bộ luật dân sự 2015.

**117. Trong trường hợp P lập hợp đồng ủy quyền đã công chứng cho N được quản lý, khai thác, sử dụng, chuyển nhượng nhà ở mà P là chủ sở hữu thì N có được quyền đơn phương hủy hợp đồng ủy quyền hay không? Pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào?**

Theo Điều 569 Bộ luật dân sự năm 2015 N có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền trong các trường hợp sau:

- Trường hợp ủy quyền có thù lao, bên ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải trả thù lao cho bên được ủy quyền tương ứng với công việc mà bên được ủy quyền đã thực hiện và bồi thường thiệt hại; nếu ủy quyền không có thù lao thì bên ủy quyền có thể chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên được ủy quyền một thời gian hợp lý.

Bên ủy quyền phải báo bằng văn bản cho người thứ ba biết về việc bên ủy quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng; nếu không báo thì hợp đồng với người thứ ba vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp người thứ ba biết hoặc phải biết về việc hợp đồng ủy quyền đã bị chấm dứt.

- Trường hợp ủy quyền không có thù lao, bên được ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên ủy quyền biết một thời gian hợp lý; nếu ủy quyền có thù lao thì bên được ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào và phải bồi thường thiệt hại cho bên ủy quyền, nếu có.

**118. Chị T và chị H là hai chị em gái. Do mẹ chồng chị T ốm nặng, nên chị T phải ở bệnh viện chăm mẹ trong 1 thời gian. Chị T nhờ chị H trông hộ nhà cửa, vườn cây. Trong thời gian chị T đi vắng, thấy vườn rau nhà chị T đã đến lúc thu hoạch nên chị H đã sang thu hoạch và mang bán giúp. Định khi nào chị T về sẽ đưa lại cho chị T số tiền bán sau đó. Xin hỏi pháp luật quy định về trường hợp này như thế nào?**

Chị H đã tự nguyện thu hoạch và mang bán rau giúp chị T mà không cần sự nhờ và của chị T. Như vậy, theo quy định tại Điều 574 Bộ luật dân sự năm 2015 chị H đã thực hiện công việc đó không có sự ủy quyền[[1]](#footnote-2).

Trong trường hợp này chị H đã thực hiện công việc giúp chị T, công việc mà khi chị T ở nhà cũng sẽ làm như thế. Như vậy việc làm của chị H phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 575 Bộ luật dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

- Người thực hiện công việc không có ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc phù hợp với khả năng, điều kiện của mình.

- Người thực hiện công việc không có ủy quyền phải thực hiện công việc như công việc của chính mình; nếu biết hoặc đoán biết được ý định của người có công việc thì phải thực hiện công việc phù hợp với ý định đó.

**119. Xin hãy cho biết pháp luật dân sự quy định như thế nào về nghĩa vụ thanh toán của người có công việc được thực hiện?**

Theo Điều 576 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ thanh toán của người có công việc được thực hiện như sau:

 Người có công việc được thực hiện phải tiếp nhận công việc khi người thực hiện công việc không có ủy quyền bàn giao công việc và thanh toán các chi phí hợp lý mà người thực hiện công việc không có ủy quyền đã bỏ ra để thực hiện công việc, kể cả trường hợp công việc không đạt được kết quả theo ý muốn của mình.

Người có công việc được thực hiện phải trả cho người thực hiện công việc không có ủy quyền một khoản thù lao khi người này thực hiện công việc chu đáo, có lợi cho mình, trừ trường hợp người thực hiện công việc không có ủy quyền từ chối.

**120. Bà T và bà O là hàng xóm của nhau. Do phải đi trông cháu 2 tuần nên bà T nhờ bà O để ý hộ nhà cửa và chăm sóc hộ 1 đàn gà. Mặc dù chăm sóc cho đàn gà rất tốt nhưng do dịch bệnh, số gà nhà bà T bị chết. Sau 2 tuần, bà T về lấy nguyên nhân là do bà B chăm sóc không tốt khiến đàn gà bị chết, bà T yêu cầu bà O phải bồi thường cho mình. Xin hỏi theo quy định của pháp luật bà O có phải bồi thường cho bà T không?**

Tại Điều 577 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ bồi thường thiệt hại như sau:

1. Khi người thực hiện công việc không có ủy quyền cố ý gây thiệt hại trong khi thực hiện công việc thì phải bồi thường thiệt hại cho người có công việc được thực hiện.

2. Nếu người thực hiện công việc không có ủy quyền do vô ý mà gây thiệt hại trong khi thực hiện công việc thì căn cứ vào hoàn cảnh đảm nhận công việc, người đó có thể được giảm mức bồi thường.

Như vậy, chiếu theo quy định nêu trên, việc đàn gà bị dịch chết là do vô ý mà gây thiệt hại của bà O, vì vậy căn cứ vào hoàn cảnh, hoặc thỏa thuận của các bên bà O có thể được giảm mức bồi thường

 **121. Xin hãy cho biết pháp luật quy định như thế nào về việc chấm dứt thực hiện công việc không có ủy quyền**

Tại Điều 578 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định việc thực hiện công việc không có ủy quyền chấm dứt trong trường hợp sau đây:

- Theo yêu cầu của người có công việc được thực hiện.

- Người có công việc được thực hiện, người thừa kế hoặc người đại diện của người có công việc được thực hiện tiếp nhận công việc.

- Người thực hiện công việc không có ủy quyền không thể tiếp tục thực hiện công việc theo quy định tại khoản 5 Điều 575 của Bộ luật dân sự.

- Người thực hiện công việc không có ủy quyền chết, nếu là cá nhân hoặc chấm dứt tồn tại, nếu là pháp nhân.

**3. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng**

 **122. Một hôm N - 16 tuổi đá bóng dưới lòng đường cùng các bạn. Trong lúc đá bóng với các bạn, trái bóng của A đã bay thẳng vào cửa sổ nhà ông K làm vỡ kính. Ông K đi thay cửa kính mới (cùng loại với cửa kính cũ) hết 5.000.000 đồng. Ông K yêu cầu N bồi thường thiệt hại mà N đã gây ra. Xin hỏi pháp luật quy định về trường hợp này như thế nào?**

Tại Khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân như sau:

*" Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.”*

Như vậy, N phải bồi thương thiệt cho ông K bằng tài sản của mình, trong trường hợp N không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ N phải bồi thường phần còn thiếu cho ông K.

**124. Xin hãy cho biết pháp luật quy định như thế nào về thiệt hại do tài sản bị xâm phạm?**

Tại Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm bao gồm:

-Tài sản bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng.

- Lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị mất, bị giảm sút.

- Chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại.

- Thiệt hại khác do luật quy định.

**125. A và B là hàng xóm với nhau. Một lần, A gặp B đi làm đồng về nên muốn mời B vào nhà mình uống trà. B một mực từ chối vì đang bận. nhưng A vẫn cố kéo B vào nhà uống trà. B cố giãy giụa, làm A tuột tay, làm B ngã, đập đầu vào bờ tường cạnh đó. Bệnh viện xác định B bị trấn thương não thể nhẹ nhưng vẫn phải ở bệnh việc điều trị một thời gian. Xin hỏi trong trường hợp này A phải bồi thường cho B những khoản nào?**

Trong tình huống trên A có ý tốt chỉ muốn mời B vào nhà mình uống trà và không cố ý gây làm B ngã. Theo quy định tại khoản 1 Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015, A phải bồi thường cho B những khoản chi phí sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của B-người bị thiệt hại;

- Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của B-người bị thiệt hại;

- Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị

Đồng thời theo khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm còn phải bồi thường một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Như vậy A có thể thỏa thuận với B về các mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần bởi những thiệt hại mà A gây ra đối với B

**126. Xin hãy cho biết pháp luật quy định như thế nào về việc bồi thường thiệt hai do tính mạng bị xâm phạm?**

Theo Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015 qu định thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm bao gồm:

- Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Chi phí hợp lý cho việc mai táng;

- Tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng;

- Thiệt hại khác do luật quy định.

 Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tính mạng của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định trên và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại, nếu không có những người này thì người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng, người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại được hưởng khoản tiền này. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá một trăm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

**127. Bà L mới mở đại lý bán xăm lốp ô tô, do có mâu thuẫn với bà L nên bà T đã nói với mọi người là đại lý nhà bà L bán hàng giả. Tin đồn đó là làm ảnh hưởng đến việc buôn bán của bà L. Xin hỏi bà L muốn bà T bồi thường tổn thất không bán được hàng do bà T tung tin đồn có được không? Nếu phải bồi thường, bà T phải có trách nhiệm bồi thương như thế nào?**

Do mâu thuẫn với bà L nên bà T đã tung tin đồn nói với mọi người là cửa hàng nhà bà L bán hàng giả, khiến bà L bị thiệt hại về kinh tế cũng như danh dự, nhân phẩm, uy tín. Với hành vi này, bà T đã xâm phạm về quyền được bảo vệ danh sự, nhân phẩm uy tín theo quy định tại điều 34 Bộ luật dân sự 2015 “*Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ*”

Đồng thời theo Điều 592 Bộ luật dân sự 2015 quy định thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm như sau:

1. Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm bao gồm:

a) Chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại;

b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút;

c) Thiệt hại khác do luật quy định.

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định trên và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Như vậy, đối với hành vi của mình bà T phảo chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà L theo quy định trên. Việc bà L yêu cầu bà T bồi thường thiệt hại là phù hợp với quy dịnh của pháp luật

**128.** **Xin hãy cho biết** **thời hạn hưởng bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm được Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định như thế nào?**

Theo Điều 593 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thời hạn hưởng bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm như sau:

Trường hợp người bị thiệt hại mất hoàn toàn khả năng lao động thì người bị thiệt hại được hưởng bồi thường từ thời điểm mất hoàn toàn khả năng lao động cho đến khi chết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Trường hợp người bị thiệt hại chết thì những người mà người này có nghĩa vụ cấp dưỡng khi còn sống được hưởng tiền cấp dưỡng từ thời điểm người có tính mạng bị xâm phạm chết trong thời hạn sau đây:

- Người chưa thành niên hoặc người đã thành thai là con của người chết và còn sống sau khi sinh ra được hưởng tiền cấp dưỡng cho đến khi đủ mười tám tuổi, trừ trường hợp người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi đã tham gia lao động và có thu nhập đủ nuôi sống bản thân;

- Người thành niên nhưng không có khả năng lao động được hưởng tiền cấp dưỡng cho đến khi chết.

Đối với con đã thành thai của người chết, tiền cấp dưỡng được tính từ thời điểm người này sinh ra và còn sống.

**129. Một người do chống trả người đang xâm phạm lợi ích của tập thể, bảo vệ lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà gây thiệt hại được pháp luật dân sự quy định như thế nào?**

Theo Điều 594 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về việc bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng như sau:

Người gây thiệt hại trong trường hợp phòng vệ chính đáng không phải bồi thường cho người bị thiệt hại.

Người gây thiệt hại do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải bồi thường cho người bị thiệt hại

**130. Xin hãy cho biết pháp luật quy định như thế nào về việc bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiêt**

Theo Điều 595 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về việc bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết như sau:

1. Trường hợp thiệt hại xảy ra do vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết thì người gây thiệt hại phải bồithường phần thiệt hại xảy ra do vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết cho người bị thiệt hại.

2. Người đã gây ra tình thế cấp thiết dẫn đến thiệt hại xảy ra thì phải bồi thường cho người bị thiệt hại.

**131. Do uống rượu say không làm chủ được hành vi nên anh P đã có hành động hành hung anh C – một vì khách trong quán khiến anh C bị thương và một số đồ đạc trong quán bị hư hòng. Chủ quán và anh C yêu cầu anh P bồi thường cho mình. Xin hỏi anh P có phải bồi thường thiệt hại cho anh C và chủ quán hay không?**

Theo Điều 596 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về việc bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra thì người do uống rượu lâm vào tình trạng mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi, gây thiệt hại cho người khác thì phải bồi thường.

Như vậy, với hành vi gây thiệt hại của mình, anh P phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại là anh C và chủ quán theo đúng quy định của pháp luật.

**132. T đang học lớp 6, do có xích mích với V- ban cùng lớp nên T đã đánh V làm V bị gãy tay. Gia đình V yêu cầu A phải bồi thường. Xin hỏi trong trường hợp này A có phải bồi thường hay không?**

Theo Điều 599 Bộ luật dân sự năm 2015 trường hợp bồi thường thiệt hại do người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự gây ra trong thời gian trường học, bệnh viện, pháp nhân khác trực tiếp quản lý quy định như sau:

1. Người chưa đủ mười lăm tuổi trong thời gian trường học trực tiếp quản lý mà gây thiệt hại thì trường học phải bồi thường thiệt hại xảy ra.

2. Người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại cho người khác trong thời gian bệnh viện, pháp nhân khác trực tiếp quản lý thì bệnh viện, pháp nhân khác phải bồi thường thiệt hại xảy ra.

3. Trường học, bệnh viện, pháp nhân khác quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không phải bồi thường nếu chứng minh được mình không có lỗi trong quản lý; trong trường hợp này, cha, mẹ, người giám hộ của người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự phải bồi thường.

Như vậy, chiếu theo quy định trên T đang học lớp 6 – 12 tuổi gây thiệt hại trong thời gian trường học trực tiếp nên nhà trường phải bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, nêu nhà trường chứng minh được nhà trường không có lỗi trong việc quản lý thì trong trường hợp này, cha, mẹ, người giám hộ của T phải bồi thường.

**133. Xin hãy cho biết pháp luật quy định như thế nào về trường hợp bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra?**

Theo Điều 601Bộ luật dân sự 2005 qu định về trường hợp bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra như sau:

1. Nguồn nguy hiểm cao độ bao gồm phương tiện giao thông vận tải cơ giới, hệ thống tải điện, nhà máy công nghiệp đang hoạt động, vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, thú dữ và các nguồn nguy hiểm cao độ khác do pháp luật quy định.

Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải vận hành, sử dụng, bảo quản, trông giữ, vận chuyển nguồn nguy hiểm cao độ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra; nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng thì người này phải bồi thường, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi, trừ trường hợp sau đây:

a) Thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại;

b) Thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trường hợp nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì người đang chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ trái pháp luật phải bồi thường thiệt hại.

Khi chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ có lỗi trong việc để nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì phải liên đới bồi thường thiệt hạ

**134. Con gái chị C đi chăn trâu ở gần vườn nhà ông A. Do không cẩn thận nên con gái chị C để trâu vào vườn nhà ông A làm hỏng 1/3 vườn rau nhà ông A. Xin hỏi theo quy định của pháp luật ông A có quyền yêu cầu chị C bồi thường số rau đó không?**

Theo Điều 603 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về trường hợp bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra như sau:

1. Chủ sở hữu súc vật phải bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra cho người khác. Người chiếm hữu, sử dụng súc vật phải bồi thường thiệt hại trong thời gian chiếm hữu, sử dụng súc vật, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp người thứ ba hoàn toàn có lỗi làm cho súc vật gây thiệt hại cho người khác thì người thứ ba phải bồi thường thiệt hại; nếu người thứ ba và chủ sở hữu cùng có lỗi thì phải liên đới bồi thường thiệt hại.

3. Trường hợp súc vật bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật gây thiệt hại thì người chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật phải bồi thường; khi chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng súc vật có lỗi trong việc để súc vật bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì phải liên đới bồi thường thiệt hại.

4. Trường hợp súc vật thả rông theo tập quán mà gây thiệt hại thì chủ sở hữu súc vật đó phải bồi thường theo tập quán nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.

Đối chiếu với quy định nêu trên, chị C phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà con trâu nhà chị gây ra cho ông A, vì vậy ông A có quyền yêu cầu chị C bồi thường thiệt hại

**135. Do 2 nhà sát vách nhau nên trong quá trình xây dựng nhà, thợ xây dựng nhà của anh A đã không tính toán làm nứt vách ảnh hưởng đến nhà tôi.Tôi đã qua báo với anh A thì anh A lại nói không phải lỗi do anh mà là lỗi do ngýời thợ xây dựng nên anh A không bồi thýờng cho tôi. Xin hỏi trýờng hợp này pháp luật quy ðịnh nhý thế nào?**

Theo Điều 605 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về việc bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra như sau:

Chủ sở hữu, người chiếm hữu, người được giao quản lý, sử dụng nhà cửa, công trình xây dựng khác phải bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác đó gây thiệt hại cho người khác.

Khi người thi công có lỗi trong việc để nhà cửa, công trình xây dựng khác gây thiệt hại thì phải liên đới bồi thường.

Chiếu theo quy định nêu trên, Anh A phải có trách nhiệm liên bồi thường cùng với người thợ xây dựng trong việc bồi thường cho bạn vì đã làm nứt vách nhà bạn.

**IV. THỪA KẾ**

**136. Ông A là người rất giàu có. Nay tuổi cao sức yếu ông muốn phân chia tài sản cho các con mình để tranh việc các con tranh giành tài sản khi ông mất đi. Ông A muốn biết mình có quyền lập di chúc để chia tài sản sau khi ông mất hay không?**

Theo Điều 609 Bộ luật dân sự quy định về quyền thừa kế như sau:

Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình; để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

 Như vậy, chiếu theo quy định nêu trên, ông A có quyền lập di chúc để chia tài sản của mình cho các con.

**137. Đề nghị cho biết thời điểm mở thừa kế và địa điểm mở thừa kế là ở đâu?**

Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thời điểm và địa điểm mở thừa kế như sau:

- Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Trường hợp Tòa án tuyên bố một người là đã chết thì thời điểm mở thừa kế là ngày được xác định tại khoản 2 Điều 71 của Bộ luật này.

- Địa điểm mở thừa kế là nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản; nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng thì địa điểm mở thừa kế là nơi có toàn bộ di sản hoặc nơi có phần lớn di sản.

**138. Ông A kết hôn với bà B, vợ chồng ông A đã có 2 con là C và D. Trong một lần đi dự tiệc về, ông A bất ngờ bị tai nạn giao thông dẫn đến tử vong. Trong thời gian ông A chung sống với bà B, ông A có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, hai người có một con riêng là E. Vậy, theo quy định của pháp luật, E có được hưởng thừa kế nếu ông A để lại di sản sau khi chết không?**

Trường hợp này, do ông A mất đột ngột, không để lại di chúc nên theo quy định tại Điều 650 BLDS 2015, di sản thừa kế sẽ được chia theo pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 651 BLDS 2015 quy định về những người thừa kế theo pháp luật thì những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

*- Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;*

*- Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;*

*- Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.*

Có thể thấy, mặc dù ông A không có quan hệ vợ chồng với mẹ của E nhưng E vẫn là con đẻ của ông A. Như vậy theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 651 trên, E vẫn được quyền hưởng di sản thừa kế.

**139.** **Anh C có vợ là V, hai con là U và I. Anh C vẫn còn bố mẹ đẻ và 2 người em ruột là T và S. Anh C bị tai nạn nặng, trước khi mất có để lại di chúc bằng miệng và nói rõ để 1/2 di sản cho vợ và 2 con, 1/2 di sản còn lại cho bố mẹ đẻ. Tại thời điểm anh C để lại di chúc bằng miệng, chỉ có vợ anh và bố mẹ đẻ cùng 1 người em của anh làm chứng, ngoài ra không có ai. Như vậy, di chúc miệng mà anh C để lại có hợp pháp hay không?**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 630 BLDS 2015 quy định về di chúc hợp pháp thì: *“Di chúc miệng được coi là hợp pháp nếu người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt* ***ít nhất hai người làm chứng*** *và ngay sau khi người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng, người làm chứng ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng thì di chúc phải được công chứng viên hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng thực xác nhận chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm chứng.”*

Có thể thấy trong tính huống trên, có đến 4 người làm chứng cho di chúc miệng của anh C. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 632 quy định về người làm chứng cho việc lập di chúc thì những người sau đây không được làm chứng cho việc lập di chúc:

*- Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc;*

*- Người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc;*

*- Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.”*

Theo như tình huống trên, anh C đã để lại di sản cho vợ con và bố mẹ đẻ, trong khi đó, trong 4 người làm chứng cho việc lập di chúc của anh thì có 3 người là vợ, bố đẻ, mẹ đẻ anh nằm trong diện thừa kế theo di chúc. Như vậy chỉ còn lại 1 người làm chứng là em ruột anh là không thuôc 3 trường hợp tại Điều 632 ở trên. Do đó, căn cứ theo các quy định trên, di chúc miệng của anh C để lại không hợp pháp, bởi vậy di sản của anh C sẽ được chia theo pháp luật.

**140. Trước khi mất, cha chị Y viết lại di chúc để lại cho chị mảnh đất trồng cây ăn quả. Do làm việc ở thành phố, không có nhu cầu nên chị Y không muốn nhận di sản. Xin hỏi chị Y có quyền từ chối nhận di sản hay không?**

Theo quy định tại điều 620 Bộ luật dân sự năm 2015 chị Y có quyền từ chối nhận di sản cho cha để lại trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác

Đồng thời Luật cũng quy định việc từ chối nhận di sản của chị Y phải được lập thành văn bản và gửi đến người quản lý di sản, những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản để biết.

Và việc từ chối nhận di sản của chị Y phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản.

**141. Vì nôn nóng muốn có được khối tài sản thừa kế của cha để có tiền kinh doanh, B đãcó hành vi lừa dối mọi người trong gia đình lập di chúc giả mạo của cha. Xin hỏi theo quy định của pháp luật hành vi của B có được quyền hưởng di sản hay không**

Theo Điều 621 Bộ luật dân sự 2015 quy định những người sau đây không được quyền hưởng di sản gồm:

- Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc về hành vi ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người đó;

- Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản;

- Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng người thừa kế khác nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà người thừa kế đó có quyền hưởng;

- Người có hành vi lừa dối, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc, sửa chữa di chúc, hủy di chúc, che giấu di chúc nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản.

Do B có hành vi lừa dối gia đình lập di chúc giả mạo nên B thuộc trường hợp không được quyền hưởng di sản. Tuy nhiên B vẫn được hưởng di sản, trong trường hợp cha B đã biết hành vi B, nhưng vẫn cho B hưởng di sản theo di chúc.

**142. Sau khi bố chị C mất được 7 năm, chị C mới phát hiện ra việc em trai mình đã tự ý sửa đổi lại di chúc để được hưởng toàn bộ tài sản của bố để lại. Chị C rất bức xúc và muốn kiện ra Tòa đề chia lại thừa kế. Chị C không biết sự việc xảy ra lâu như vậy liệu còn thời hạn được xem xét, giải quyết hay không?**

Theo khoản 2 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2016 quy định thời hiệu thừa kế như sau:

“*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế”.*

 Chiếu theo quy định nêu trên, chị C còn thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quy định là 10 kể từ thời điểm mởi thừa kế.

**143. M - 17 tuổi được thừa kế một khoản tiền lớn do được thừa kế từ tài sản của ông nội. Nay M bị bệnh nặng khó qua khỏi, nên M muốn lập di chúc để để lại số tiền đó cho một trại trẻ mồ côi của thành phố. Xin hay cho biết M có được lập di chúc để lại di sản của mình hay không**

Theo khoản 2 Điều 625 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi được lập di chúc, nếu được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý về việc lập di chúc”.*

Như vậy, M mới 17 tuổi, mà theo quy định nêu trên M muốn được lập di chúc phải có sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ đối với việc lập di chúc.

**144. Ông K bị tai nạn giao thông rất nặng, do sức khỏe nguy kịch, ông K muốn được lập di chúc miệng để lại tài sản cho vợ và con trai. Xin hay cho biết pháp luật quy định như thế nào về trường hợp này?**

Theo khoản 1 Điều 629 Bộ luật dân sự 2015 quy định về việc di chúc miệng như sau:

 Trường hợp tính mạng một người bị cái chết đe dọa và không thể lập di chúc bằng văn bản thì có thể lập di chúc miệng.

 Như vậy , ông K có quyền được lập di chúc miệng trong trường hợp tính mạng bị đe dọa mà không thể lập di chúc bằng văn bản được.

 **145. Sau khi mở thừa kế, mọi người trong gia đình bà L phát hiện bản di chúc do bà L viết không hợp pháp. Xin hãy cho biết trong trường hợp này pháp luật quy định như thế nào?**

Theo khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự quy định thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp sau đây:

- Không có di chúc;

- Di chúc không hợp pháp;

- Những người thừa kế theo di chúc chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; cơ quan, tổ chức được hưởng thừa kế theo di chúc không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế;

- Những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc mà không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.

 Như vậy, chiếu theo quy định nêu trên, do di chúc của bà L viết không hợp pháp nên di sản của bà L sẽ được chia thừa kế theo pháp luật.

 **146. Anh Q cùng cha bị tai nạn khi đang tham gia giao thông khiến cả 2 cha con chết trên đường đưa đến bệnh viện. Cha anh Q có tài sản khá lớn nhưng không kịp để lại di chúc. Trong khi đó vợ chồng anh Q có 1 con trai nhỏ. Chị vợ anh Q muốn biết con trai của mình có đường hưởng phần thừa kế của anh Q do cho anh Q để lại hay không?**

Theo Điều 652 Bộ luật dân sự 2015 quy định về thừa kế thế vị như sau:

Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì chắt được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của chắt được hưởng nếu còn sống.

Như vậy, anh Q chết cùng một thời điểm với cha mình, do vậy con trai anh Q sẽ được hưởng phần di sản mà anh Q dược hưởng do cha để lại nếu còn sống.

**147. Ông T viết một bản di chúc để phân tài sản cho người con là M, N, dự kiến là mỗi người sẽ được nhận ½ số tài sản của ông và đã mang bản di chúc ra UBND xã xác nhận. Tuy nhiên, do thời gian vừa qua, biết được bố để lại một nửa số tài sản cho mình nên M có biểu hiện không chịu làm ăn, tụ tập cờ bạc suốt ngày đêm và nợ một số tiền, trong khi N thì vẫn chịu khó làm việc và ngày càng phát đạt. Ông T thấy vậy nên muốn sửa đổi nội dung chia tài sản cho hai con. Vậy ông T có thể ra lại UBND xã để sửa đổi di chúc mình đã viết không?**

Theo Điều 640 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về **s**ửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc thì người lập di chúc có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc đã lập vào bất cứ lúc nào. Trường hợp người lập di chúc bổ sung di chúc thì di chúc đã lập và phần bổ sung có hiệu lực pháp luật như nhau; nếu một phần của di chúc đã lập và phần bổ sung mâu thuẫn nhau thì chỉ phần bổ sung có hiệu lực pháp luật. Trường hợp người lập di chúc thay thế di chúc bằng di chúc mới thì di chúc trước bị huỷ bỏ.

Như vậy ông T có thể ra lại Ủy ban nhân dân xã để sửa đổi nội dung di chúc của mình.

**148. Bà P lấy chồng sinh được 1 người con là L, nhưng chẳng may chồng mất sớm có để di chúc với nội dung để lại toàn bộ tài sản cho bà P. Sau này bà P có nhận thêm Y làm con nuôi, có giấy tờ xác nhận việc nuôi con. Năm bà P 80 tuổi, do tuổi cao, bệnh nặng nên bà P mất mà không để lại di chúc. Tài sản của bà có khi còn sống là 500m2 đất ở và ngôi nhà xây trên đất này. Sau khi bà mất, L và Y nảy sinh tranh chấp về di sản mà bà P để lại. L cho rằng Y chỉ là con nuôi nên không có quyền được hưởng di sản mà bà P để lại. Hỏi, L nói như vậy là đúng hay sai? Nếu Y cũng được hưởng di sản thì sẽ được hưởng bao nhiêu phần di sản bà P để lại?**

Trước hết, xin khẳng định việc L cho rằng Y chỉ là con nuôi nên không được hưởng di sản thừa kế là không đúng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Người thừa kế theo pháp luật thì: ”Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;” như vậy Y thuộc hàng thừa kế thứ nhất và hoàn toàn có quyền hưởng di sản thừa kế theo pháp luật.

Do không có di chúc nên di sản thừa kế của bà P sẽ được chia theo pháp luật, căn cứ khoản 3 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Y cũng sẽ được hưởng phần tài sản bằng với L vì cả hai cũng thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

**149. Ông N do tuổi cao, mắc bệnh hiểm nghèo nên qua đời mà không để lại di chúc. Khi còn sống, ông N tạo lập được khối tài sản chung với bà Y khoảng 2 tỷ đồng. Ngoài tài sản này không N không còn tài sản nào khác. Ông N có 1 công ty riêng do ông làm chủ sở hữu, tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên công ty đang gánh khoản nợ 1,5 tỷ đồng. Biết tin ông N mất, sau một thời gian, chủ nợ đã đến tìm gặp gia đình bà Y để đòi nợ. Hỏi di sản mà ông N để lại có phải dùng để trả nợ hay không hay phải chia cho người thừa kế?**

Sau khi ông N mất, di sản của ông N để lại là ½ khối tài sản chung đã tạo lập được với bà Y. Tuy nhiên, do ông N có khoản nợ riêng là 1,5 tỷ đồng, mà theo quy định tại Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2015 về thứ tự ưu tiên thanh toán thì sau khi trừ hết các khoản sau đây, phần còn dư mới được đem chia cho những người thừa kế, các khoản đó bao gồm:

*- Chi phí hợp lý theo tập quán cho việc mai táng;*

*- Tiền cấp dưỡng còn thiếu;*

*- Chi phí cho việc bảo quản di sản;*

*- Tiền trợ cấp cho người sống nương nhờ;*

*- Tiền công lao động;*

*- Tiền bồi thường thiệt hại;*

*- Thuế và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước;*

*- Các khoản nợ khác đối với cá nhân, pháp nhân;*

*- Tiền phạt;*

*- Các chi phí khác.*

Như vậy, di sản của ông N để lại phải được ưu tiên trả nợ trước, sau đó nếu dư mới được đem chia di sản cho người thừa kế.

**150. Ông A và bà B có 1 người con chung là S. Trước khi lấy ông A, bà B đã có một con riêng là K. Sau này K sống trong gia đình coi ông A là bố và chăm sóc ông như bố ruột. Năm 2008 Bà B mất, có để lại di chúc là để lại toàn bộ tài sản cho ông A. Năm 2015 ông A mất không để lại di chúc. S cho rằng chỉ có S là con đẻ của ông A nên toàn bộ di sản ông A để lại đều thuộc về S, K chỉ là con riêng của vợ nên không có quyền hưởng. S nói như vậy có đúng không?**

Trong trường hợp này, sau khi ông A mất, người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là S (do ông A mất không để lại di chúc). Còn K là quan hệ con riêng và bố dượng. Tuy nhiên, Điều 654 BLDS 2015 quy định về Quan hệ thừa kế giữa con riêng và bố dượng, mẹ kế thì *“Con riêng và bố dượng, mẹ kế nếu có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con thì được thừa kế di sản của nhau và còn được thừa kế di sản theo quy định tại Điều 652 và Điều 653 của Bộ luật này.”*

Như vậy, trường hợp này, K là con riêng nhưng do có công chăm sóc, nuôi dưỡng ông A như bố ruột nên K vẫn có quyền được hưởng di sản như trường hợp đối với con nuôi. Vì vậy, theo quy định, di sản ông R để lại sẽ được chia đôi, K và S mỗi người một nửa.

1. **Điều 574 Bộ luật dân sự 2015 Thực hiện công việc không có ủy quyền**

Thực hiện công việc không có ủy quyền là việc một người không có nghĩa vụ thực hiện công việc nhưng đã tự nguyện thực hiện công việc đó vì lợi ích của người có công việc được thực hiện khi người này không biết hoặc biết mà không phản đối. [↑](#footnote-ref-2)